Chương trình Bán Hàng Toàn Cầu Chủ Động
Bảng Giá Vận Chuyển Việt Nam-Malaysia - Khu vực Tây Malaysia

Khu vực Người Mua	Khối lượng (g)	Phí vận chuyển thực tế (MYR - Malaysia Ringgit)	Phí vận chuyển nước ngoài do Người Mua trả (MYR - Malaysia Ringgit)	Phí vận chuyển nước ngoài do Người Bán trả (MYR - Malaysia Ringgit)
Tây Malaysia	10	8.05	4.9	3.15
Tây Malaysia	20	8.05	4.9	3.15
Tây Malaysia	30	8.11	4.9	3.21
Tây Malaysia	40	8.17	4.9	3.27
Tây Malaysia	50	8.23	4.9	3.33
Tây Malaysia	60	8.29	4.9	3.39
Tây Malaysia	70	8.35	4.9	3.45
Tây Malaysia	80	8.41	4.9	3.51
Tây Malaysia	90	8.47	4.9	3.57
Tây Malaysia	100	8.53	4.9	3.63
Tây Malaysia	110	8.59	4.9	3.69
Tây Malaysia	120	8.65	4.9	3.75
Tây Malaysia	130	8.71	4.9	3.81
Tây Malaysia	140	8.77	4.9	3.87
Tây Malaysia	150	8.83	4.9	3.93
Tây Malaysia	160	8.89	4.9	3.99
Tây Malaysia	170	8.95	4.9	4.05
Tây Malaysia	180	9.01	4.9	4.11
Tây Malaysia	190	9.07	4.9	4.17
Tây Malaysia	200	9.13	4.9	4.23
Tây Malaysia	210	9.19	4.9	4.29
Tây Malaysia	220	9.25	4.9	4.35
Tây Malaysia	230	9.31	4.9	4.41
Tây Malaysia	240	9.37	4.9	4.47
Tây Malaysia	250	9.43	4.9	4.53
Tây Malaysia	260	9.49	4.9	4.59
Tây Malaysia	270	9.55	4.9	4.65
Tây Malaysia	280	9.61	4.9	4.71
Tây Malaysia	290	9.67	4.9	4.77
Tây Malaysia	300	9.73	4.9	4.83
Tây Malaysia	310	9.79	4.9	4.89
Tây Malaysia	320	9.85	4.9	4.95
Tây Malaysia	330	9.91	4.9	5.01
Tây Malaysia	340	9.97	4.9	5.07
Tây Malaysia	350	10.03	4.9	5.13
Tây Malaysia	360	10.09	4.9	5.19
Tây Malaysia	370	10.15	4.9	5.25
Tây Malaysia	380	10.21	4.9	5.31
Tây Malaysia	390	10.27	4.9	5.37
Tây Malaysia	400	10.33	4.9	5.43
Tây Malaysia	410	10.39	4.9	5.49
Tây Malaysia	420	10.45	4.9	5.55
Tây Malaysia	430	10.51	4.9	5.61
Tây Malaysia	440	10.57	4.9	5.67
Tây Malaysia	450	10.63	4.9	5.73
Tây Malaysia	460	10.69	4.9	5.79
Tây Malaysia	470	10.75	4.9	5.85
Tây Malaysia	480	10.81	4.9	5.91
Tây Malaysia	490	10.87	4.9	5.97
Tây Malaysia	500	10.93	4.9	6.03
Tây Malaysia	510	10.99	4.9	6.09
Tây Malaysia	520	11.05	4.9	6.15
Tây Malaysia	530	11.11	4.9	6.21
Tây Malaysia	540	11.17	4.9	6.27
Tây Malaysia	550	11.23	4.9	6.33
Tây Malaysia	560	11.29	4.9	6.39
Tây Malaysia	570	11.35	4.9	6.45
Tây Malaysia	580	11.41	4.9	6.51
Tây Malaysia	590	11.47	4.9	6.57
Tây Malaysia	600	11.53	4.9	6.63
Tây Malaysia	610	11.59	4.9	6.69
Tây Malaysia	620	11.65	4.9	6.75
Tây Malaysia	630	11.71	4.9	6.81
Tây Malaysia	640	11.77	4.9	6.87
Tây Malaysia	650	11.83	4.9	6.93
Tây Malaysia	660	11.89	4.9	6.99
Tây Malaysia	670	11.95	4.9	7.05
Tây Malaysia	680	12.01	4.9	7.11
Tây Malaysia	690	12.07	4.9	7.17
Tây Malaysia	700	12.13	4.9	7.23
Tây Malaysia	710	12.19	4.9	7.29
Tây Malaysia	720	12.25	4.9	7.35
Tây Malaysia	730	12.31	4.9	7.41
Tây Malaysia	740	12.37	4.9	7.47
Tây Malaysia	750	12.43	4.9	7.53
Tây Malaysia	760	12.49	4.9	7.59
Tây Malaysia	770	12.55	4.9	7.65
Tây Malaysia	780	12.61	4.9	7.71
Tây Malaysia	790	12.67	4.9	7.77
Tây Malaysia	800	12.73	4.9	7.83
Tây Malaysia	810	12.79	4.9	7.89
Tây Malaysia	820	12.85	4.9	7.95
Tây Malaysia	830	12.91	4.9	8.01
Tây Malaysia	840	12.97	4.9	8.07
Tây Malaysia	850	13.03	4.9	8.13
Tây Malaysia	860	13.09	4.9	8.19
Tây Malaysia	870	13.15	4.9	8.25
Tây Malaysia	880	13.21	4.9	8.31
Tây Malaysia	890	13.27	4.9	8.37
Tây Malaysia	900	13.33	4.9	8.43
Tây Malaysia	910	13.39	4.9	8.49
Tây Malaysia	920	13.45	4.9	8.55
Tây Malaysia	930	13.51	4.9	8.61
Tây Malaysia	940	13.57	4.9	8.67
Tây Malaysia	950	13.63	4.9	8.73
Tây Malaysia	960	13.69	4.9	8.79
Tây Malaysia	970	13.75	4.9	8.85
Tây Malaysia	980	13.81	4.9	8.91
Tây Malaysia	990	13.87	4.9	8.97
Tây Malaysia	1000	13.93	4.9	9.03
Tây Malaysia	1010	13.99	4.9	9.09
Tây Malaysia	1020	14.05	4.9	9.15
Tây Malaysia	1030	14.11	4.9	9.21
Tây Malaysia	1040	14.17	4.9	9.27
Tây Malaysia	1050	14.23	4.9	9.33
Tây Malaysia	1060	14.29	4.9	9.39
Tây Malaysia	1070	14.35	4.9	9.45
Tây Malaysia	1080	14.41	4.9	9.51
Tây Malaysia	1090	14.47	4.9	9.57
Tây Malaysia	1100	14.53	4.9	9.63
Tây Malaysia	1110	14.59	4.9	9.69
Tây Malaysia	1120	14.65	4.9	9.75
Tây Malaysia	1130	14.71	4.9	9.81
Tây Malaysia	1140	14.77	4.9	9.87
Tây Malaysia	1150	14.83	4.9	9.93
Tây Malaysia	1160	14.89	4.9	9.99
Tây Malaysia	1170	14.95	4.9	10.05
Tây Malaysia	1180	15.01	4.9	10.11
Tây Malaysia	1190	15.07	4.9	10.17
Tây Malaysia	1200	15.13	4.9	10.23
Tây Malaysia	1210	15.19	4.9	10.29
Tây Malaysia	1220	15.25	4.9	10.35
Tây Malaysia	1230	15.31	4.9	10.41
Tây Malaysia	1240	15.37	4.9	10.47
Tây Malaysia	1250	15.43	4.9	10.53
Tây Malaysia	1260	15.49	4.9	10.59
Tây Malaysia	1270	15.55	4.9	10.65
Tây Malaysia	1280	15.61	4.9	10.71
Tây Malaysia	1290	15.67	4.9	10.77
Tây Malaysia	1300	15.73	4.9	10.83
Tây Malaysia	1310	15.79	4.9	10.89
Tây Malaysia	1320	15.85	4.9	10.95
Tây Malaysia	1330	15.91	4.9	11.01
Tây Malaysia	1340	15.97	4.9	11.07
Tây Malaysia	1350	16.03	4.9	11.13

Chương trình Bán Hàng Toàn Cầu Chủ Động
Bảng Giá Vận Chuyển Việt Nam-Malaysia - Khu vực Đông Malaysia

Khu vực Người Mua	Khối lượng (g)	Phí vận chuyển thực tế (MYR - Malaysia Ringgit)	Phí vận chuyển nước ngoài do Người Mua trả (MYR - Malaysia Ringgit)	Phí vận chuyển nước ngoài do Người Bán trả (MYR - Malaysia Ringgit)
Đông Malaysia	10	8.05	4.9	3.15
Đông Malaysia	20	8.05	4.9	3.15
Đông Malaysia	30	8.11	4.9	3.21
Đông Malaysia	40	8.17	4.9	3.27
Đông Malaysia	50	8.23	4.9	3.33
Đông Malaysia	60	8.29	4.9	3.39
Đông Malaysia	70	8.35	4.9	3.45
Đông Malaysia	80	8.41	4.9	3.51
Đông Malaysia	90	8.47	4.9	3.57
Đông Malaysia	100	8.53	4.9	3.63
Đông Malaysia	110	8.59	4.9	3.69
Đông Malaysia	120	8.65	4.9	3.75
Đông Malaysia	130	8.71	4.9	3.81
Đông Malaysia	140	8.77	4.9	3.87
Đông Malaysia	150	8.83	4.9	3.93
Đông Malaysia	160	8.89	4.9	3.99
Đông Malaysia	170	8.95	4.9	4.05
Đông Malaysia	180	9.01	4.9	4.11
Đông Malaysia	190	9.07	4.9	4.17
Đông Malaysia	200	9.13	4.9	4.23
Đông Malaysia	210	9.19	4.9	4.29
Đông Malaysia	220	9.25	4.9	4.35
Đông Malaysia	230	9.31	4.9	4.41
Đông Malaysia	240	9.37	4.9	4.47
Đông Malaysia	250	9.43	4.9	4.53
Đông Malaysia	260	9.49	4.9	4.59
Đông Malaysia	270	9.55	4.9	4.65
Đông Malaysia	280	9.61	4.9	4.71
Đông Malaysia	290	9.67	4.9	4.77
Đông Malaysia	300	9.73	4.9	4.83
Đông Malaysia	310	9.79	4.9	4.89
Đông Malaysia	320	9.85	4.9	4.95
Đông Malaysia	330	9.91	4.9	5.01
Đông Malaysia	340	9.97	4.9	5.07
Đông Malaysia	350	10.03	4.9	5.13
Đông Malaysia	360	10.09	4.9	5.19
Đông Malaysia	370	10.15	4.9	5.25
Đông Malaysia	380	10.21	4.9	5.31
Đông Malaysia	390	10.27	4.9	5.37
Đông Malaysia	400	10.33	4.9	5.43
Đông Malaysia	410	10.39	4.9	5.49
Đông Malaysia	420	10.45	4.9	5.55
Đông Malaysia	430	10.51	4.9	5.61
Đông Malaysia	440	10.57	4.9	5.67
Đông Malaysia	450	10.63	4.9	5.73
Đông Malaysia	460	10.69	4.9	5.79
Đông Malaysia	470	10.75	4.9	5.85
Đông Malaysia	480	10.81	4.9	5.91
Đông Malaysia	490	10.87	4.9	5.97
Đông Malaysia	500	10.93	4.9	6.03
Đông Malaysia	510	10.99	4.9	6.09
Đông Malaysia	520	11.05	4.9	6.15
Đông Malaysia	530	11.11	4.9	6.21
Đông Malaysia	540	11.17	4.9	6.27
Đông Malaysia	550	11.23	4.9	6.33
Đông Malaysia	560	11.29	4.9	6.39
Đông Malaysia	570	11.35	4.9	6.45
Đông Malaysia	580	11.41	4.9	6.51
Đông Malaysia	590	11.47	4.9	6.57
Đông Malaysia	600	11.53	4.9	6.63
Đông Malaysia	610	11.59	4.9	6.69
Đông Malaysia	620	11.65	4.9	6.75
Đông Malaysia	630	11.71	4.9	6.81
Đông Malaysia	640	11.77	4.9	6.87
Đông Malaysia	650	11.83	4.9	6.93
Đông Malaysia	660	11.89	4.9	6.99
Đông Malaysia	670	11.95	4.9	7.05
Đông Malaysia	680	12.01	4.9	7.11
Đông Malaysia	690	12.07	4.9	7.17
Đông Malaysia	700	12.13	4.9	7.23
Đông Malaysia	710	12.19	4.9	7.29
Đông Malaysia	720	12.25	4.9	7.35
Đông Malaysia	730	12.31	4.9	7.41
Đông Malaysia	740	12.37	4.9	7.47
Đông Malaysia	750	12.43	4.9	7.53
Đông Malaysia	760	12.49	4.9	7.59
Đông Malaysia	770	12.55	4.9	7.65
Đông Malaysia	780	12.61	4.9	7.71
Đông Malaysia	790	12.67	4.9	7.77
Đông Malaysia	800	12.73	4.9	7.83
Đông Malaysia	810	12.79	4.9	7.89
Đông Malaysia	820	12.85	4.9	7.95
Đông Malaysia	830	12.91	4.9	8.01
Đông Malaysia	840	12.97	4.9	8.07
Đông Malaysia	850	13.03	4.9	8.13
Đông Malaysia	860	13.09	4.9	8.19
Đông Malaysia	870	13.15	4.9	8.25
Đông Malaysia	880	13.21	4.9	8.31
Đông Malaysia	890	13.27	4.9	8.37
Đông Malaysia	900	13.33	4.9	8.43
Đông Malaysia	910	13.39	4.9	8.49
Đông Malaysia	920	13.45	4.9	8.55
Đông Malaysia	930	13.51	4.9	8.61
Đông Malaysia	940	13.57	4.9	8.67
Đông Malaysia	950	13.63	4.9	8.73
Đông Malaysia	960	13.69	4.9	8.79
Đông Malaysia	970	13.75	4.9	8.85
Đông Malaysia	980	13.81	4.9	8.91
Đông Malaysia	990	13.87	4.9	8.97
Đông Malaysia	1000	13.93	4.9	9.03
Đông Malaysia	1010	13.99	4.9	9.09
Đông Malaysia	1020	14.05	4.9	9.15
Đông Malaysia	1030	14.11	4.9	9.21
Đông Malaysia	1040	14.17	4.9	9.27
Đông Malaysia	1050	14.23	4.9	9.33
Đông Malaysia	1060	14.29	4.9	9.39
Đông Malaysia	1070	14.35	4.9	9.45
Đông Malaysia	1080	14.41	4.9	9.51
Đông Malaysia	1090	14.47	4.9	9.57
Đông Malaysia	1100	14.53	4.9	9.63
Đông Malaysia	1110	14.59	4.9	9.69
Đông Malaysia	1120	14.65	4.9	9.75
Đông Malaysia	1130	14.71	4.9	9.81
Đông Malaysia	1140	14.77	4.9	9.87
Đông Malaysia	1150	14.83	4.9	9.93
Đông Malaysia	1160	14.89	4.9	9.99
Đông Malaysia	1170	14.95	4.9	10.05
Đông Malaysia	1180	15.01	4.9	10.11
Đông Malaysia	1190	15.07	4.9	10.17
Đông Malaysia	1200	15.13	4.9	10.23
Đông Malaysia	1210	15.19	4.9	10.29
Đông Malaysia	1220	15.25	4.9	10.35
Đông Malaysia	1230	15.31	4.9	10.41
Đông Malaysia	1240	15.37	4.9	10.47
Đông Malaysia	1250	15.43	4.9	10.53
Đông Malaysia	1260	15.49	4.9	10.59
Đông Malaysia	1270	15.55	4.9	10.65
Đông Malaysia	1280	15.61	4.9	10.71
Đông Malaysia	1290	15.67	4.9	10.77
Đông Malaysia	1300	15.73	4.9	10.83
Đông Malaysia	1310	15.79	4.9	10.89
Đông Malaysia	1320	15.85	4.9	10.95
Đông Malaysia	1330	15.91	4.9	11.01
Đông Malaysia	1340	15.97	4.9	11.07
Đông Malaysia	1350	16.03	4.9	11.13

Tây Malaysia	1360	16.09	4.9	11.19
Tây Malaysia	1370	16.15	4.9	11.25
Tây Malaysia	1380	16.21	4.9	11.31
Tây Malaysia	1390	16.27	4.9	11.37
Tây Malaysia	1400	16.33	4.9	11.43
Tây Malaysia	1410	16.39	4.9	11.49
Tây Malaysia	1420	16.45	4.9	11.55
Tây Malaysia	1430	16.51	4.9	11.61
Tây Malaysia	1440	16.57	4.9	11.67
Tây Malaysia	1450	16.63	4.9	11.73
Tây Malaysia	1460	16.69	4.9	11.79
Tây Malaysia	1470	16.75	4.9	11.85
Tây Malaysia	1480	16.81	4.9	11.91
Tây Malaysia	1490	16.87	4.9	11.97
Tây Malaysia	1500	16.93	4.9	12.03
Tây Malaysia	1510	16.99	4.9	12.09
Tây Malaysia	1520	17.05	4.9	12.15
Tây Malaysia	1530	17.11	4.9	12.21
Tây Malaysia	1540	17.17	4.9	12.27
Tây Malaysia	1550	17.23	4.9	12.33
Tây Malaysia	1560	17.29	4.9	12.39
Tây Malaysia	1570	17.35	4.9	12.45
Tây Malaysia	1580	17.41	4.9	12.51
Tây Malaysia	1590	17.47	4.9	12.57
Tây Malaysia	1600	17.53	4.9	12.63
Tây Malaysia	1610	17.59	4.9	12.69
Tây Malaysia	1620	17.65	4.9	12.75
Tây Malaysia	1630	17.71	4.9	12.81
Tây Malaysia	1640	17.77	4.9	12.87
Tây Malaysia	1650	17.83	4.9	12.93
Tây Malaysia	1660	17.89	4.9	12.99
Tây Malaysia	1670	17.95	4.9	13.05
Tây Malaysia	1680	18.01	4.9	13.11
Tây Malaysia	1690	18.07	4.9	13.17
Tây Malaysia	1700	18.13	4.9	13.23
Tây Malaysia	1710	18.19	4.9	13.29
Tây Malaysia	1720	18.25	4.9	13.35
Tây Malaysia	1730	18.31	4.9	13.41
Tây Malaysia	1740	18.37	4.9	13.47
Tây Malaysia	1750	18.43	4.9	13.53
Tây Malaysia	1760	18.49	4.9	13.59
Tây Malaysia	1770	18.55	4.9	13.65
Tây Malaysia	1780	18.61	4.9	13.71
Tây Malaysia	1790	18.67	4.9	13.77
Tây Malaysia	1800	18.73	4.9	13.83
Tây Malaysia	1810	18.79	4.9	13.89
Tây Malaysia	1820	18.85	4.9	13.95
Tây Malaysia	1830	18.91	4.9	14.01
Tây Malaysia	1840	18.97	4.9	14.07
Tây Malaysia	1850	19.03	4.9	14.13
Tây Malaysia	1860	19.09	4.9	14.19
Tây Malaysia	1870	19.15	4.9	14.25
Tây Malaysia	1880	19.21	4.9	14.31
Tây Malaysia	1890	19.27	4.9	14.37
Tây Malaysia	1900	19.33	4.9	14.43
Tây Malaysia	1910	19.39	4.9	14.49
Tây Malaysia	1920	19.45	4.9	14.55
Tây Malaysia	1930	19.51	4.9	14.61
Tây Malaysia	1940	19.57	4.9	14.67
Tây Malaysia	1950	19.63	4.9	14.73
Tây Malaysia	1960	19.69	4.9	14.79
Tây Malaysia	1970	19.75	4.9	14.85
Tây Malaysia	1980	19.81	4.9	14.91
Tây Malaysia	1990	19.87	4.9	14.97
Tây Malaysia	2000	19.93	4.9	15.03
Tây Malaysia	2010	19.99	4.9	15.09
Tây Malaysia	2020	20.05	4.9	15.15
Tây Malaysia	2030	20.11	4.9	15.21
Tây Malaysia	2040	20.17	4.9	15.27
Tây Malaysia	2050	20.23	4.9	15.33
Tây Malaysia	2060	20.29	4.9	15.39
Tây Malaysia	2070	20.35	4.9	15.45
Tây Malaysia	2080	20.41	4.9	15.51
Tây Malaysia	2090	20.47	4.9	15.57
Tây Malaysia	2100	20.53	4.9	15.63
Tây Malaysia	2110	20.59	4.9	15.69
Tây Malaysia	2120	20.65	4.9	15.75
Tây Malaysia	2130	20.71	4.9	15.81
Tây Malaysia	2140	20.77	4.9	15.87
Tây Malaysia	2150	20.83	4.9	15.93
Tây Malaysia	2160	20.89	4.9	15.99
Tây Malaysia	2170	20.95	4.9	16.05
Tây Malaysia	2180	21.01	4.9	16.11
Tây Malaysia	2190	21.07	4.9	16.17
Tây Malaysia	2200	21.13	4.9	16.23
Tây Malaysia	2210	21.19	4.9	16.29
Tây Malaysia	2220	21.25	4.9	16.35
Tây Malaysia	2230	21.31	4.9	16.41
Tây Malaysia	2240	21.37	4.9	16.47
Tây Malaysia	2250	21.43	4.9	16.53
Tây Malaysia	2260	21.49	4.9	16.59
Tây Malaysia	2270	21.55	4.9	16.65
Tây Malaysia	2280	21.61	4.9	16.71
Tây Malaysia	2290	21.67	4.9	16.77
Tây Malaysia	2300	21.73	4.9	16.83
Tây Malaysia	2310	21.79	4.9	16.89
Tây Malaysia	2320	21.85	4.9	16.95
Tây Malaysia	2330	21.91	4.9	17.01
Tây Malaysia	2340	21.97	4.9	17.07
Tây Malaysia	2350	22.03	4.9	17.13
Tây Malaysia	2360	22.09	4.9	17.19
Tây Malaysia	2370	22.15	4.9	17.25
Tây Malaysia	2380	22.21	4.9	17.31
Tây Malaysia	2390	22.27	4.9	17.37
Tây Malaysia	2400	22.33	4.9	17.43
Tây Malaysia	2410	22.39	4.9	17.49
Tây Malaysia	2420	22.45	4.9	17.55
Tây Malaysia	2430	22.51	4.9	17.61
Tây Malaysia	2440	22.57	4.9	17.67
Tây Malaysia	2450	22.63	4.9	17.73
Tây Malaysia	2460	22.69	4.9	17.79
Tây Malaysia	2470	22.75	4.9	17.85
Tây Malaysia	2480	22.81	4.9	17.91
Tây Malaysia	2490	22.87	4.9	17.97
Tây Malaysia	2500	22.93	4.9	18.03
Tây Malaysia	2510	22.99	4.9	18.09
Tây Malaysia	2520	23.05	4.9	18.15
Tây Malaysia	2530	23.11	4.9	18.21
Tây Malaysia	2540	23.17	4.9	18.27
Tây Malaysia	2550	23.23	4.9	18.33
Tây Malaysia	2560	23.29	4.9	18.39
Tây Malaysia	2570	23.35	4.9	18.45
Tây Malaysia	2580	23.41	4.9	18.51
Tây Malaysia	2590	23.47	4.9	18.57
Tây Malaysia	2600	23.53	4.9	18.63
Tây Malaysia	2610	23.59	4.9	18.69
Tây Malaysia	2620	23.65	4.9	18.75
Tây Malaysia	2630	23.71	4.9	18.81
Tây Malaysia	2640	23.77	4.9	18.87
Tây Malaysia	2650	23.83	4.9	18.93
Tây Malaysia	2660	23.89	4.9	18.99
Tây Malaysia	2670	23.95	4.9	19.05
Tây Malaysia	2680	24.01	4.9	19.11
Tây Malaysia	2690	24.07	4.9	19.17
Tây Malaysia	2700	24.13	4.9	19.23
Tây Malaysia	2710	24.19	4.9	19.29
Tây Malaysia	2720	24.25	4.9	19.35
Tây Malaysia	2730	24.31	4.9	19.41
Tây Malaysia	2740	24.37	4.9	19.47
Tây Malaysia	2750	24.43	4.9	19.53

Đông Malaysia	1360	16.09	4.9	11.19
Đông Malaysia	1370	16.15	4.9	11.25
Đông Malaysia	1380	16.21	4.9	11.31
Đông Malaysia	1390	16.27	4.9	11.37
Đông Malaysia	1400	16.33	4.9	11.43
Đông Malaysia	1410	16.39	4.9	11.49
Đông Malaysia	1420	16.45	4.9	11.55
Đông Malaysia	1430	16.51	4.9	11.61
Đông Malaysia	1440	16.57	4.9	11.67
Đông Malaysia	1450	16.63	4.9	11.73
Đông Malaysia	1460	16.69	4.9	11.79
Đông Malaysia	1470	16.75	4.9	11.85
Đông Malaysia	1480	16.81	4.9	11.91
Đông Malaysia	1490	16.87	4.9	11.97
Đông Malaysia	1500	16.93	4.9	12.03
Đông Malaysia	1510	16.99	4.9	12.09
Đông Malaysia	1520	17.05	4.9	12.15
Đông Malaysia	1530	17.11	4.9	12.21
Đông Malaysia	1540	17.17	4.9	12.27
Đông Malaysia	1550	17.23	4.9	12.33
Đông Malaysia	1560	17.29	4.9	12.39
Đông Malaysia	1570	17.35	4.9	12.45
Đông Malaysia	1580	17.41	4.9	12.51
Đông Malaysia	1590	17.47	4.9	12.57
Đông Malaysia	1600	17.53	4.9	12.63
Đông Malaysia	1610	17.59	4.9	12.69
Đông Malaysia	1620	17.65	4.9	12.75
Đông Malaysia	1630	17.71	4.9	12.81
Đông Malaysia	1640	17.77	4.9	12.87
Đông Malaysia	1650	17.83	4.9	12.93
Đông Malaysia	1660	17.89	4.9	12.99
Đông Malaysia	1670	17.95	4.9	13.05
Đông Malaysia	1680	18.01	4.9	13.11
Đông Malaysia	1690	18.07	4.9	13.17
Đông Malaysia	1700	18.13	4.9	13.23
Đông Malaysia	1710	18.19	4.9	13.29
Đông Malaysia	1720	18.25	4.9	13.35
Đông Malaysia	1730	18.31	4.9	13.41
Đông Malaysia	1740	18.37	4.9	13.47
Đông Malaysia	1750	18.43	4.9	13.53
Đông Malaysia	1760	18.49	4.9	13.59
Đông Malaysia	1770	18.55	4.9	13.65
Đông Malaysia	1780	18.61	4.9	13.71
Đông Malaysia	1790	18.67	4.9	13.77
Đông Malaysia	1800	18.73	4.9	13.83
Đông Malaysia	1810	18.79	4.9	13.89
Đông Malaysia	1820	18.85	4.9	13.95
Đông Malaysia	1830	18.91	4.9	14.01
Đông Malaysia	1840	18.97	4.9	14.07
Đông Malaysia	1850	19.03	4.9	14.13
Đông Malaysia	1860	19.09	4.9	14.19
Đông Malaysia	1870	19.15	4.9	14.25
Đông Malaysia	1880	19.21	4.9	14.31
Đông Malaysia	1890	19.27	4.9	14.37
Đông Malaysia	1900	19.33	4.9	14.43
Đông Malaysia	1910	19.39	4.9	14.49
Đông Malaysia	1920	19.45	4.9	14.55
Đông Malaysia	1930	19.51	4.9	14.61
Đông Malaysia	1940	19.57	4.9	14.67
Đông Malaysia	1950	19.63	4.9	14.73
Đông Malaysia	1960	19.69	4.9	14.79
Đông Malaysia	1970	19.75	4.9	14.85
Đông Malaysia	1980	19.81	4.9	14.91
Đông Malaysia	1990	19.87	4.9	14.97
Đông Malaysia	2000	19.93	4.9	15.03
Đông Malaysia	2010	19.99	4.9	15.09
Đông Malaysia	2020	20.05	4.9	15.15
Đông Malaysia	2030	20.11	4.9	15.21
Đông Malaysia	2040	20.17	4.9	15.27
Đông Malaysia	2050	20.23	4.9	15.33
Đông Malaysia	2060	20.29	4.9	15.39
Đông Malaysia	2070	20.35	4.9	15.45
Đông Malaysia	2080	20.41	4.9	15.51
Đông Malaysia	2090	20.47	4.9	15.57
Đông Malaysia	2100	20.53	4.9	15.63
Đông Malaysia	2110	20.59	4.9	15.69
Đông Malaysia	2120	20.65	4.9	15.75
Đông Malaysia	2130	20.71	4.9	15.81
Đông Malaysia	2140	20.77	4.9	15.87
Đông Malaysia	2150	20.83	4.9	15.93
Đông Malaysia	2160	20.89	4.9	15.99
Đông Malaysia	2170	20.95	4.9	16.05
Đông Malaysia	2180	21.01	4.9	16.11
Đông Malaysia	2190	21.07	4.9	16.17
Đông Malaysia	2200	21.13	4.9	16.23
Đông Malaysia	2210	21.19	4.9	16.29
Đông Malaysia	2220	21.25	4.9	16.35
Đông Malaysia	2230	21.31	4.9	16.41
Đông Malaysia	2240	21.37	4.9	16.47
Đông Malaysia	2250	21.43	4.9	16.53
Đông Malaysia	2260	21.49	4.9	16.59
Đông Malaysia	2270	21.55	4.9	16.65
Đông Malaysia	2280	21.61	4.9	16.71
Đông Malaysia	2290	21.67	4.9	16.77
Đông Malaysia	2300	21.73	4.9	16.83
Đông Malaysia	2310	21.79	4.9	16.89
Đông Malaysia	2320	21.85	4.9	16.95
Đông Malaysia	2330	21.91	4.9	17.01
Đông Malaysia	2340	21.97	4.9	17.07
Đông Malaysia	2350	22.03	4.9	17.13
Đông Malaysia	2360	22.09	4.9	17.19
Đông Malaysia	2370	22.15	4.9	17.25
Đông Malaysia	2380	22.21	4.9	17.31
Đông Malaysia	2390	22.27	4.9	17.37
Đông Malaysia	2400	22.33	4.9	17.43
Đông Malaysia	2410	22.39	4.9	17.49
Đông Malaysia	2420	22.45	4.9	17.55
Đông Malaysia	2430	22.51	4.9	17.61
Đông Malaysia	2440	22.57	4.9	17.67
Đông Malaysia	2450	22.63	4.9	17.73
Đông Malaysia	2460	22.69	4.9	17.79
Đông Malaysia	2470	22.75	4.9	17.85
Đông Malaysia	2480	22.81	4.9	17.91
Đông Malaysia	2490	22.87	4.9	17.97
Đông Malaysia	2500	22.93	4.9	18.03
Đông Malaysia	2510	22.99	4.9	18.09
Đông Malaysia	2520	23.05	4.9	18.15
Đông Malaysia	2530	23.11	4.9	18.21
Đông Malaysia	2540	23.17	4.9	18.27
Đông Malaysia	2550	23.23	4.9	18.33
Đông Malaysia	2560	23.29	4.9	18.39
Đông Malaysia	2570	23.35	4.9	18.45
Đông Malaysia	2580	23.41	4.9	18.51
Đông Malaysia	2590	23.47	4.9	18.57
Đông Malaysia	2600	23.53	4.9	18.63
Đông Malaysia	2610	23.59	4.9	18.69
Đông Malaysia	2620	23.65	4.9	18.75
Đông Malaysia	2630	23.71	4.9	18.81
Đông Malaysia	2640	23.77	4.9	18.87
Đông Malaysia	2650	23.83	4.9	18.93
Đông Malaysia	2660	23.89	4.9	18.99
Đông Malaysia	2670	23.95	4.9	19.05
Đông Malaysia	2680	24.01	4.9	19.11
Đông Malaysia	2690	24.07	4.9	19.17
Đông Malaysia	2700	24.13	4.9	19.23
Đông Malaysia	2710	24.19	4.9	19.29
Đông Malaysia	2720	24.25	4.9	19.35
Đông Malaysia	2730	24.31	4.9	19.41
Đông Malaysia	2740	24.37	4.9	19.47
Đông Malaysia	2750	24.43	4.9	19.53

Tây Malaysia	2760	24.49	4.9	19.59
Tây Malaysia	2770	24.55	4.9	19.65
Tây Malaysia	2780	24.61	4.9	19.71
Tây Malaysia	2790	24.67	4.9	19.77
Tây Malaysia	2800	24.73	4.9	19.83
Tây Malaysia	2810	24.79	4.9	19.89
Tây Malaysia	2820	24.85	4.9	19.95
Tây Malaysia	2830	24.91	4.9	20.01
Tây Malaysia	2840	24.97	4.9	20.07
Tây Malaysia	2850	25.03	4.9	20.13
Tây Malaysia	2860	25.09	4.9	20.19
Tây Malaysia	2870	25.15	4.9	20.25
Tây Malaysia	2880	25.21	4.9	20.31
Tây Malaysia	2890	25.27	4.9	20.37
Tây Malaysia	2900	25.33	4.9	20.43
Tây Malaysia	2910	25.39	4.9	20.49
Tây Malaysia	2920	25.45	4.9	20.55
Tây Malaysia	2930	25.51	4.9	20.61
Tây Malaysia	2940	25.57	4.9	20.67
Tây Malaysia	2950	25.63	4.9	20.73
Tây Malaysia	2960	25.69	4.9	20.79
Tây Malaysia	2970	25.75	4.9	20.85
Tây Malaysia	2980	25.81	4.9	20.91
Tây Malaysia	2990	25.87	4.9	20.97
Tây Malaysia	3000	25.93	4.9	21.03
Tây Malaysia	3010	25.99	4.9	21.09
Tây Malaysia	3020	26.05	4.9	21.15
Tây Malaysia	3030	26.11	4.9	21.21
Tây Malaysia	3040	26.17	4.9	21.27
Tây Malaysia	3050	26.23	4.9	21.33
Tây Malaysia	3060	26.29	4.9	21.39
Tây Malaysia	3070	26.35	4.9	21.45
Tây Malaysia	3080	26.41	4.9	21.51
Tây Malaysia	3090	26.47	4.9	21.57
Tây Malaysia	3100	26.53	4.9	21.63
Tây Malaysia	3110	26.59	4.9	21.69
Tây Malaysia	3120	26.65	4.9	21.75
Tây Malaysia	3130	26.71	4.9	21.81
Tây Malaysia	3140	26.77	4.9	21.87
Tây Malaysia	3150	26.83	4.9	21.93
Tây Malaysia	3160	26.89	4.9	21.99
Tây Malaysia	3170	26.95	4.9	22.05
Tây Malaysia	3180	27.01	4.9	22.11
Tây Malaysia	3190	27.07	4.9	22.17
Tây Malaysia	3200	27.13	4.9	22.23
Tây Malaysia	3210	27.19	4.9	22.29
Tây Malaysia	3220	27.25	4.9	22.35
Tây Malaysia	3230	27.31	4.9	22.41
Tây Malaysia	3240	27.37	4.9	22.47
Tây Malaysia	3250	27.43	4.9	22.53
Tây Malaysia	3260	27.49	4.9	22.59
Tây Malaysia	3270	27.55	4.9	22.65
Tây Malaysia	3280	27.61	4.9	22.71
Tây Malaysia	3290	27.67	4.9	22.77
Tây Malaysia	3300	27.73	4.9	22.83
Tây Malaysia	3310	27.79	4.9	22.89
Tây Malaysia	3320	27.85	4.9	22.95
Tây Malaysia	3330	27.91	4.9	23.01
Tây Malaysia	3340	27.97	4.9	23.07
Tây Malaysia	3350	28.03	4.9	23.13
Tây Malaysia	3360	28.09	4.9	23.19
Tây Malaysia	3370	28.15	4.9	23.25
Tây Malaysia	3380	28.21	4.9	23.31
Tây Malaysia	3390	28.27	4.9	23.37
Tây Malaysia	3400	28.33	4.9	23.43
Tây Malaysia	3410	28.39	4.9	23.49
Tây Malaysia	3420	28.45	4.9	23.55
Tây Malaysia	3430	28.51	4.9	23.61
Tây Malaysia	3440	28.57	4.9	23.67
Tây Malaysia	3450	28.63	4.9	23.73
Tây Malaysia	3460	28.69	4.9	23.79
Tây Malaysia	3470	28.75	4.9	23.85
Tây Malaysia	3480	28.81	4.9	23.91
Tây Malaysia	3490	28.87	4.9	23.97
Tây Malaysia	3500	28.93	4.9	24.03
Tây Malaysia	3510	28.99	4.9	24.09
Tây Malaysia	3520	29.05	4.9	24.15
Tây Malaysia	3530	29.11	4.9	24.21
Tây Malaysia	3540	29.17	4.9	24.27
Tây Malaysia	3550	29.23	4.9	24.33
Tây Malaysia	3560	29.29	4.9	24.39
Tây Malaysia	3570	29.35	4.9	24.45
Tây Malaysia	3580	29.41	4.9	24.51
Tây Malaysia	3590	29.47	4.9	24.57
Tây Malaysia	3600	29.53	4.9	24.63
Tây Malaysia	3610	29.59	4.9	24.69
Tây Malaysia	3620	29.65	4.9	24.75
Tây Malaysia	3630	29.71	4.9	24.81
Tây Malaysia	3640	29.77	4.9	24.87
Tây Malaysia	3650	29.83	4.9	24.93
Tây Malaysia	3660	29.89	4.9	24.99
Tây Malaysia	3670	29.95	4.9	25.05
Tây Malaysia	3680	30.01	4.9	25.11
Tây Malaysia	3690	30.07	4.9	25.17
Tây Malaysia	3700	30.13	4.9	25.23
Tây Malaysia	3710	30.19	4.9	25.29
Tây Malaysia	3720	30.25	4.9	25.35
Tây Malaysia	3730	30.31	4.9	25.41
Tây Malaysia	3740	30.37	4.9	25.47
Tây Malaysia	3750	30.43	4.9	25.53
Tây Malaysia	3760	30.49	4.9	25.59
Tây Malaysia	3770	30.55	4.9	25.65
Tây Malaysia	3780	30.61	4.9	25.71
Tây Malaysia	3790	30.67	4.9	25.77
Tây Malaysia	3800	30.73	4.9	25.83
Tây Malaysia	3810	30.79	4.9	25.89
Tây Malaysia	3820	30.85	4.9	25.95
Tây Malaysia	3830	30.91	4.9	26.01
Tây Malaysia	3840	30.97	4.9	26.07
Tây Malaysia	3850	31.03	4.9	26.13
Tây Malaysia	3860	31.09	4.9	26.19
Tây Malaysia	3870	31.15	4.9	26.25
Tây Malaysia	3880	31.21	4.9	26.31
Tây Malaysia	3890	31.27	4.9	26.37
Tây Malaysia	3900	31.33	4.9	26.43
Tây Malaysia	3910	31.39	4.9	26.49
Tây Malaysia	3920	31.45	4.9	26.55
Tây Malaysia	3930	31.51	4.9	26.61
Tây Malaysia	3940	31.57	4.9	26.67
Tây Malaysia	3950	31.63	4.9	26.73
Tây Malaysia	3960	31.69	4.9	26.79
Tây Malaysia	3970	31.75	4.9	26.85
Tây Malaysia	3980	31.81	4.9	26.91
Tây Malaysia	3990	31.87	4.9	26.97
Tây Malaysia	4000	31.93	4.9	27.03
Tây Malaysia	4010	31.99	4.9	27.09
Tây Malaysia	4020	32.05	4.9	27.15
Tây Malaysia	4030	32.11	4.9	27.21
Tây Malaysia	4040	32.17	4.9	27.27
Tây Malaysia	4050	32.23	4.9	27.33
Tây Malaysia	4060	32.29	4.9	27.39
Tây Malaysia	4070	32.35	4.9	27.45
Tây Malaysia	4080	32.41	4.9	27.51
Tây Malaysia	4090	32.47	4.9	27.57
Tây Malaysia	4100	32.53	4.9	27.63
Tây Malaysia	4110	32.59	4.9	27.69
Tây Malaysia	4120	32.65	4.9	27.75
Tây Malaysia	4130	32.71	4.9	27.81
Tây Malaysia	4140	32.77	4.9	27.87
Tây Malaysia	4150	32.83	4.9	27.93

Đông Malaysia	2760	24.49	4.9	19.59
Đông Malaysia	2770	24.55	4.9	19.65
Đông Malaysia	2780	24.61	4.9	19.71
Đông Malaysia	2790	24.67	4.9	19.77
Đông Malaysia	2800	24.73	4.9	19.83
Đông Malaysia	2810	24.79	4.9	19.89
Đông Malaysia	2820	24.85	4.9	19.95
Đông Malaysia	2830	24.91	4.9	20.01
Đông Malaysia	2840	24.97	4.9	20.07
Đông Malaysia	2850	25.03	4.9	20.13
Đông Malaysia	2860	25.09	4.9	20.19
Đông Malaysia	2870	25.15	4.9	20.25
Đông Malaysia	2880	25.21	4.9	20.31
Đông Malaysia	2890	25.27	4.9	20.37
Đông Malaysia	2900	25.33	4.9	20.43
Đông Malaysia	2910	25.39	4.9	20.49
Đông Malaysia	2920	25.45	4.9	20.55
Đông Malaysia	2930	25.51	4.9	20.61
Đông Malaysia	2940	25.57	4.9	20.67
Đông Malaysia	2950	25.63	4.9	20.73
Đông Malaysia	2960	25.69	4.9	20.79
Đông Malaysia	2970	25.75	4.9	20.85
Đông Malaysia	2980	25.81	4.9	20.91
Đông Malaysia	2990	25.87	4.9	20.97
Đông Malaysia	3000	25.93	4.9	21.03
Đông Malaysia	3010	25.99	4.9	21.09
Đông Malaysia	3020	26.05	4.9	21.15
Đông Malaysia	3030	26.11	4.9	21.21
Đông Malaysia	3040	26.17	4.9	21.27
Đông Malaysia	3050	26.23	4.9	21.33
Đông Malaysia	3060	26.29	4.9	21.39
Đông Malaysia	3070	26.35	4.9	21.45
Đông Malaysia	3080	26.41	4.9	21.51
Đông Malaysia	3090	26.47	4.9	21.57
Đông Malaysia	3100	26.53	4.9	21.63
Đông Malaysia	3110	26.59	4.9	21.69
Đông Malaysia	3120	26.65	4.9	21.75
Đông Malaysia	3130	26.71	4.9	21.81
Đông Malaysia	3140	26.77	4.9	21.87
Đông Malaysia	3150	26.83	4.9	21.93
Đông Malaysia	3160	26.89	4.9	21.99
Đông Malaysia	3170	26.95	4.9	22.05
Đông Malaysia	3180	27.01	4.9	22.11
Đông Malaysia	3190	27.07	4.9	22.17
Đông Malaysia	3200	27.13	4.9	22.23
Đông Malaysia	3210	27.19	4.9	22.29
Đông Malaysia	3220	27.25	4.9	22.35
Đông Malaysia	3230	27.31	4.9	22.41
Đông Malaysia	3240	27.37	4.9	22.47
Đông Malaysia	3250	27.43	4.9	22.53
Đông Malaysia	3260	27.49	4.9	22.59
Đông Malaysia	3270	27.55	4.9	22.65
Đông Malaysia	3280	27.61	4.9	22.71
Đông Malaysia	3290	27.67	4.9	22.77
Đông Malaysia	3300	27.73	4.9	22.83
Đông Malaysia	3310	27.79	4.9	22.89
Đông Malaysia	3320	27.85	4.9	22.95
Đông Malaysia	3330	27.91	4.9	23.01
Đông Malaysia	3340	27.97	4.9	23.07
Đông Malaysia	3350	28.03	4.9	23.13
Đông Malaysia	3360	28.09	4.9	23.19
Đông Malaysia	3370	28.15	4.9	23.25
Đông Malaysia	3380	28.21	4.9	23.31
Đông Malaysia	3390	28.27	4.9	23.37
Đông Malaysia	3400	28.33	4.9	23.43
Đông Malaysia	3410	28.39	4.9	23.49
Đông Malaysia	3420	28.45	4.9	23.55
Đông Malaysia	3430	28.51	4.9	23.61
Đông Malaysia	3440	28.57	4.9	23.67
Đông Malaysia	3450	28.63	4.9	23.73
Đông Malaysia	3460	28.69	4.9	23.79
Đông Malaysia	3470	28.75	4.9	23.85
Đông Malaysia	3480	28.81	4.9	23.91
Đông Malaysia	3490	28.87	4.9	23.97
Đông Malaysia	3500	28.93	4.9	24.03
Đông Malaysia	3510	28.99	4.9	24.09
Đông Malaysia	3520	29.05	4.9	24.15
Đông Malaysia	3530	29.11	4.9	24.21
Đông Malaysia	3540	29.17	4.9	24.27
Đông Malaysia	3550	29.23	4.9	24.33
Đông Malaysia	3560	29.29	4.9	24.39
Đông Malaysia	3570	29.35	4.9	24.45
Đông Malaysia	3580	29.41	4.9	24.51
Đông Malaysia	3590	29.47	4.9	24.57
Đông Malaysia	3600	29.53	4.9	24.63
Đông Malaysia	3610	29.59	4.9	24.69
Đông Malaysia	3620	29.65	4.9	24.75
Đông Malaysia	3630	29.71	4.9	24.81
Đông Malaysia	3640	29.77	4.9	24.87
Đông Malaysia	3650	29.83	4.9	24.93
Đông Malaysia	3660	29.89	4.9	24.99
Đông Malaysia	3670	29.95	4.9	25.05
Đông Malaysia	3680	30.01	4.9	25.11
Đông Malaysia	3690	30.07	4.9	25.17
Đông Malaysia	3700	30.13	4.9	25.23
Đông Malaysia	3710	30.19	4.9	25.29
Đông Malaysia	3720	30.25	4.9	25.35
Đông Malaysia	3730	30.31	4.9	25.41
Đông Malaysia	3740	30.37	4.9	25.47
Đông Malaysia	3750	30.43	4.9	25.53
Đông Malaysia	3760	30.49	4.9	25.59
Đông Malaysia	3770	30.55	4.9	25.65
Đông Malaysia	3780	30.61	4.9	25.71
Đông Malaysia	3790	30.67	4.9	25.77
Đông Malaysia	3800	30.73	4.9	25.83
Đông Malaysia	3810	30.79	4.9	25.89
Đông Malaysia	3820	30.85	4.9	25.95
Đông Malaysia	3830	30.91	4.9	26.01
Đông Malaysia	3840	30.97	4.9	26.07
Đông Malaysia	3850	31.03	4.9	26.13
Đông Malaysia	3860	31.09	4.9	26.19
Đông Malaysia	3870	31.15	4.9	26.25
Đông Malaysia	3880	31.21	4.9	26.31
Đông Malaysia	3890	31.27	4.9	26.37
Đông Malaysia	3900	31.33	4.9	26.43
Đông Malaysia	3910	31.39	4.9	26.49
Đông Malaysia	3920	31.45	4.9	26.55
Đông Malaysia	3930	31.51	4.9	26.61
Đông Malaysia	3940	31.57	4.9	26.67
Đông Malaysia	3950	31.63	4.9	26.73
Đông Malaysia	3960	31.69	4.9	26.79
Đông Malaysia	3970	31.75	4.9	26.85
Đông Malaysia	3980	31.81	4.9	26.91
Đông Malaysia	3990	31.87	4.9	26.97
Đông Malaysia	4000	31.93	4.9	27.03
Đông Malaysia	4010	31.99	4.9	27.09
Đông Malaysia	4020	32.05	4.9	27.15
Đông Malaysia	4030	32.11	4.9	27.21
Đông Malaysia	4040	32.17	4.9	27.27
Đông Malaysia	4050	32.23	4.9	27.33
Đông Malaysia	4060	32.29	4.9	27.39
Đông Malaysia	4070	32.35	4.9	27.45
Đông Malaysia	4080	32.41	4.9	27.51
Đông Malaysia	4090	32.47	4.9	27.57
Đông Malaysia	4100	32.53	4.9	27.63
Đông Malaysia	4110	32.59	4.9	27.69
Đông Malaysia	4120	32.65	4.9	27.75
Đông Malaysia	4130	32.71	4.9	27.81
Đông Malaysia	4140	32.77	4.9	27.87
Đông Malaysia	4150	32.83	4.9	27.93

Tây Malaysia	4160	32.89	4.9	27.99
Tây Malaysia	4170	32.95	4.9	28.05
Tây Malaysia	4180	33.01	4.9	28.11
Tây Malaysia	4190	33.07	4.9	28.17
Tây Malaysia	4200	33.13	4.9	28.23
Tây Malaysia	4210	33.19	4.9	28.29
Tây Malaysia	4220	33.25	4.9	28.35
Tây Malaysia	4230	33.31	4.9	28.41
Tây Malaysia	4240	33.37	4.9	28.47
Tây Malaysia	4250	33.43	4.9	28.53
Tây Malaysia	4260	33.49	4.9	28.59
Tây Malaysia	4270	33.55	4.9	28.65
Tây Malaysia	4280	33.61	4.9	28.71
Tây Malaysia	4290	33.67	4.9	28.77
Tây Malaysia	4300	33.73	4.9	28.83
Tây Malaysia	4310	33.79	4.9	28.89
Tây Malaysia	4320	33.85	4.9	28.95
Tây Malaysia	4330	33.91	4.9	29.01
Tây Malaysia	4340	33.97	4.9	29.07
Tây Malaysia	4350	34.03	4.9	29.13
Tây Malaysia	4360	34.09	4.9	29.19
Tây Malaysia	4370	34.15	4.9	29.25
Tây Malaysia	4380	34.21	4.9	29.31
Tây Malaysia	4390	34.27	4.9	29.37
Tây Malaysia	4400	34.33	4.9	29.43
Tây Malaysia	4410	34.39	4.9	29.49
Tây Malaysia	4420	34.45	4.9	29.55
Tây Malaysia	4430	34.51	4.9	29.61
Tây Malaysia	4440	34.57	4.9	29.67
Tây Malaysia	4450	34.63	4.9	29.73
Tây Malaysia	4460	34.69	4.9	29.79
Tây Malaysia	4470	34.75	4.9	29.85
Tây Malaysia	4480	34.81	4.9	29.91
Tây Malaysia	4490	34.87	4.9	29.97
Tây Malaysia	4500	34.93	4.9	30.03
Tây Malaysia	4510	34.99	4.9	30.09
Tây Malaysia	4520	35.05	4.9	30.15
Tây Malaysia	4530	35.11	4.9	30.21
Tây Malaysia	4540	35.17	4.9	30.27
Tây Malaysia	4550	35.23	4.9	30.33
Tây Malaysia	4560	35.29	4.9	30.39
Tây Malaysia	4570	35.35	4.9	30.45
Tây Malaysia	4580	35.41	4.9	30.51
Tây Malaysia	4590	35.47	4.9	30.57
Tây Malaysia	4600	35.53	4.9	30.63
Tây Malaysia	4610	35.59	4.9	30.69
Tây Malaysia	4620	35.65	4.9	30.75
Tây Malaysia	4630	35.71	4.9	30.81
Tây Malaysia	4640	35.77	4.9	30.87
Tây Malaysia	4650	35.83	4.9	30.93
Tây Malaysia	4660	35.89	4.9	30.99
Tây Malaysia	4670	35.95	4.9	31.05
Tây Malaysia	4680	36.01	4.9	31.11
Tây Malaysia	4690	36.07	4.9	31.17
Tây Malaysia	4700	36.13	4.9	31.23
Tây Malaysia	4710	36.19	4.9	31.29
Tây Malaysia	4720	36.25	4.9	31.35
Tây Malaysia	4730	36.31	4.9	31.41
Tây Malaysia	4740	36.37	4.9	31.47
Tây Malaysia	4750	36.43	4.9	31.53
Tây Malaysia	4760	36.49	4.9	31.59
Tây Malaysia	4770	36.55	4.9	31.65
Tây Malaysia	4780	36.61	4.9	31.71
Tây Malaysia	4790	36.67	4.9	31.77
Tây Malaysia	4800	36.73	4.9	31.83
Tây Malaysia	4810	36.79	4.9	31.89
Tây Malaysia	4820	36.85	4.9	31.95
Tây Malaysia	4830	36.91	4.9	32.01
Tây Malaysia	4840	36.97	4.9	32.07
Tây Malaysia	4850	37.03	4.9	32.13
Tây Malaysia	4860	37.09	4.9	32.19
Tây Malaysia	4870	37.15	4.9	32.25
Tây Malaysia	4880	37.21	4.9	32.31
Tây Malaysia	4890	37.27	4.9	32.37
Tây Malaysia	4900	37.33	4.9	32.43
Tây Malaysia	4910	37.39	4.9	32.49
Tây Malaysia	4920	37.45	4.9	32.55
Tây Malaysia	4930	37.51	4.9	32.61
Tây Malaysia	4940	37.57	4.9	32.67
Tây Malaysia	4950	37.63	4.9	32.73
Tây Malaysia	4960	37.69	4.9	32.79
Tây Malaysia	4970	37.75	4.9	32.85
Tây Malaysia	4980	37.81	4.9	32.91
Tây Malaysia	4990	37.87	4.9	32.97
Tây Malaysia	5000	37.93	4.9	33.03
Tây Malaysia	5010	37.99	4.9	33.09
Tây Malaysia	5020	38.05	4.9	33.15
Tây Malaysia	5030	38.11	4.9	33.21
Tây Malaysia	5040	38.17	4.9	33.27
Tây Malaysia	5050	38.23	4.9	33.33
Tây Malaysia	5060	38.29	4.9	33.39
Tây Malaysia	5070	38.35	4.9	33.45
Tây Malaysia	5080	38.41	4.9	33.51
Tây Malaysia	5090	38.47	4.9	33.57
Tây Malaysia	5100	38.53	4.9	33.63
Tây Malaysia	5110	38.59	4.9	33.69
Tây Malaysia	5120	38.65	4.9	33.75
Tây Malaysia	5130	38.71	4.9	33.81
Tây Malaysia	5140	38.77	4.9	33.87
Tây Malaysia	5150	38.83	4.9	33.93
Tây Malaysia	5160	38.89	4.9	33.99
Tây Malaysia	5170	38.95	4.9	34.05
Tây Malaysia	5180	39.01	4.9	34.11
Tây Malaysia	5190	39.07	4.9	34.17
Tây Malaysia	5200	39.13	4.9	34.23
Tây Malaysia	5210	39.19	4.9	34.29
Tây Malaysia	5220	39.25	4.9	34.35
Tây Malaysia	5230	39.31	4.9	34.41
Tây Malaysia	5240	39.37	4.9	34.47
Tây Malaysia	5250	39.43	4.9	34.53
Tây Malaysia	5260	39.49	4.9	34.59
Tây Malaysia	5270	39.55	4.9	34.65
Tây Malaysia	5280	39.61	4.9	34.71
Tây Malaysia	5290	39.67	4.9	34.77
Tây Malaysia	5300	39.73	4.9	34.83
Tây Malaysia	5310	39.79	4.9	34.89
Tây Malaysia	5320	39.85	4.9	34.95
Tây Malaysia	5330	39.91	4.9	35.01
Tây Malaysia	5340	39.97	4.9	35.07
Tây Malaysia	5350	40.03	4.9	35.13
Tây Malaysia	5360	40.09	4.9	35.19
Tây Malaysia	5370	40.15	4.9	35.25
Tây Malaysia	5380	40.21	4.9	35.31
Tây Malaysia	5390	40.27	4.9	35.37
Tây Malaysia	5400	40.33	4.9	35.43
Tây Malaysia	5410	40.39	4.9	35.49
Tây Malaysia	5420	40.45	4.9	35.55
Tây Malaysia	5430	40.51	4.9	35.61
Tây Malaysia	5440	40.57	4.9	35.67
Tây Malaysia	5450	40.63	4.9	35.73
Tây Malaysia	5460	40.69	4.9	35.79
Tây Malaysia	5470	40.75	4.9	35.85
Tây Malaysia	5480	40.81	4.9	35.91
Tây Malaysia	5490	40.87	4.9	35.97
Tây Malaysia	5500	40.93	4.9	36.03
Tây Malaysia	5510	40.99	4.9	36.09
Tây Malaysia	5520	41.05	4.9	36.15
Tây Malaysia	5530	41.11	4.9	36.21
Tây Malaysia	5540	41.17	4.9	36.27
Tây Malaysia	5550	41.23	4.9	36.33

Đông Malaysia	4160	32.89	4.9	27.99
Đông Malaysia	4170	32.95	4.9	28.05
Đông Malaysia	4180	33.01	4.9	28.11
Đông Malaysia	4190	33.07	4.9	28.17
Đông Malaysia	4200	33.13	4.9	28.23
Đông Malaysia	4210	33.19	4.9	28.29
Đông Malaysia	4220	33.25	4.9	28.35
Đông Malaysia	4230	33.31	4.9	28.41
Đông Malaysia	4240	33.37	4.9	28.47
Đông Malaysia	4250	33.43	4.9	28.53
Đông Malaysia	4260	33.49	4.9	28.59
Đông Malaysia	4270	33.55	4.9	28.65
Đông Malaysia	4280	33.61	4.9	28.71
Đông Malaysia	4290	33.67	4.9	28.77
Đông Malaysia	4300	33.73	4.9	28.83
Đông Malaysia	4310	33.79	4.9	28.89
Đông Malaysia	4320	33.85	4.9	28.95
Đông Malaysia	4330	33.91	4.9	29.01
Đông Malaysia	4340	33.97	4.9	29.07
Đông Malaysia	4350	34.03	4.9	29.13
Đông Malaysia	4360	34.09	4.9	29.19
Đông Malaysia	4370	34.15	4.9	29.25
Đông Malaysia	4380	34.21	4.9	29.31
Đông Malaysia	4390	34.27	4.9	29.37
Đông Malaysia	4400	34.33	4.9	29.43
Đông Malaysia	4410	34.39	4.9	29.49
Đông Malaysia	4420	34.45	4.9	29.55
Đông Malaysia	4430	34.51	4.9	29.61
Đông Malaysia	4440	34.57	4.9	29.67
Đông Malaysia	4450	34.63	4.9	29.73
Đông Malaysia	4460	34.69	4.9	29.79
Đông Malaysia	4470	34.75	4.9	29.85
Đông Malaysia	4480	34.81	4.9	29.91
Đông Malaysia	4490	34.87	4.9	29.97
Đông Malaysia	4500	34.93	4.9	30.03
Đông Malaysia	4510	34.99	4.9	30.09
Đông Malaysia	4520	35.05	4.9	30.15
Đông Malaysia	4530	35.11	4.9	30.21
Đông Malaysia	4540	35.17	4.9	30.27
Đông Malaysia	4550	35.23	4.9	30.33
Đông Malaysia	4560	35.29	4.9	30.39
Đông Malaysia	4570	35.35	4.9	30.45
Đông Malaysia	4580	35.41	4.9	30.51
Đông Malaysia	4590	35.47	4.9	30.57
Đông Malaysia	4600	35.53	4.9	30.63
Đông Malaysia	4610	35.59	4.9	30.69
Đông Malaysia	4620	35.65	4.9	30.75
Đông Malaysia	4630	35.71	4.9	30.81
Đông Malaysia	4640	35.77	4.9	30.87
Đông Malaysia	4650	35.83	4.9	30.93
Đông Malaysia	4660	35.89	4.9	30.99
Đông Malaysia	4670	35.95	4.9	31.05
Đông Malaysia	4680	36.01	4.9	31.11
Đông Malaysia	4690	36.07	4.9	31.17
Đông Malaysia	4700	36.13	4.9	31.23
Đông Malaysia	4710	36.19	4.9	31.29
Đông Malaysia	4720	36.25	4.9	31.35
Đông Malaysia	4730	36.31	4.9	31.41
Đông Malaysia	4740	36.37	4.9	31.47
Đông Malaysia	4750	36.43	4.9	31.53
Đông Malaysia	4760	36.49	4.9	31.59
Đông Malaysia	4770	36.55	4.9	31.65
Đông Malaysia	4780	36.61	4.9	31.71
Đông Malaysia	4790	36.67	4.9	31.77
Đông Malaysia	4800	36.73	4.9	31.83
Đông Malaysia	4810	36.79	4.9	31.89
Đông Malaysia	4820	36.85	4.9	31.95
Đông Malaysia	4830	36.91	4.9	32.01
Đông Malaysia	4840	36.97	4.9	32.07
Đông Malaysia	4850	37.03	4.9	32.13
Đông Malaysia	4860	37.09	4.9	32.19
Đông Malaysia	4870	37.15	4.9	32.25
Đông Malaysia	4880	37.21	4.9	32.31
Đông Malaysia	4890	37.27	4.9	32.37
Đông Malaysia	4900	37.33	4.9	32.43
Đông Malaysia	4910	37.39	4.9	32.49
Đông Malaysia	4920	37.45	4.9	32.55
Đông Malaysia	4930	37.51	4.9	32.61
Đông Malaysia	4940	37.57	4.9	32.67
Đông Malaysia	4950	37.63	4.9	32.73
Đông Malaysia	4960	37.69	4.9	32.79
Đông Malaysia	4970	37.75	4.9	32.85
Đông Malaysia	4980	37.81	4.9	32.91
Đông Malaysia	4990	37.87	4.9	32.97
Đông Malaysia	5000	37.93	4.9	33.03
Đông Malaysia	5010	37.99	4.9	33.09
Đông Malaysia	5020	38.05	4.9	33.15
Đông Malaysia	5030	38.11	4.9	33.21
Đông Malaysia	5040	38.17	4.9	33.27
Đông Malaysia	5050	38.23	4.9	33.33
Đông Malaysia	5060	38.29	4.9	33.39
Đông Malaysia	5070	38.35	4.9	33.45
Đông Malaysia	5080	38.41	4.9	33.51
Đông Malaysia	5090	38.47	4.9	33.57
Đông Malaysia	5100	38.53	4.9	33.63
Đông Malaysia	5110	38.59	4.9	33.69
Đông Malaysia	5120	38.65	4.9	33.75
Đông Malaysia	5130	38.71	4.9	33.81
Đông Malaysia	5140	38.77	4.9	33.87
Đông Malaysia	5150	38.83	4.9	33.93
Đông Malaysia	5160	38.89	4.9	33.99
Đông Malaysia	5170	38.95	4.9	34.05
Đông Malaysia	5180	39.01	4.9	34.11
Đông Malaysia	5190	39.07	4.9	34.17
Đông Malaysia	5200	39.13	4.9	34.23
Đông Malaysia	5210	39.19	4.9	34.29
Đông Malaysia	5220	39.25	4.9	34.35
Đông Malaysia	5230	39.31	4.9	34.41
Đông Malaysia	5240	39.37	4.9	34.47
Đông Malaysia	5250	39.43	4.9	34.53
Đông Malaysia	5260	39.49	4.9	34.59
Đông Malaysia	5270	39.55	4.9	34.65
Đông Malaysia	5280	39.61	4.9	34.71
Đông Malaysia	5290	39.67	4.9	34.77
Đông Malaysia	5300	39.73	4.9	34.83
Đông Malaysia	5310	39.79	4.9	34.89
Đông Malaysia	5320	39.85	4.9	34.95
Đông Malaysia	5330	39.91	4.9	35.01
Đông Malaysia	5340	39.97	4.9	35.07
Đông Malaysia	5350	40.03	4.9	35.13
Đông Malaysia	5360	40.09	4.9	35.19
Đông Malaysia	5370	40.15	4.9	35.25
Đông Malaysia	5380	40.21	4.9	35.31
Đông Malaysia	5390	40.27	4.9	35.37
Đông Malaysia	5400	40.33	4.9	35.43
Đông Malaysia	5410	40.39	4.9	35.49
Đông Malaysia	5420	40.45	4.9	35.55
Đông Malaysia	5430	40.51	4.9	35.61
Đông Malaysia	5440	40.57	4.9	35.67
Đông Malaysia	5450	40.63	4.9	35.73
Đông Malaysia	5460	40.69	4.9	35.79
Đông Malaysia	5470	40.75	4.9	35.85
Đông Malaysia	5480	40.81	4.9	35.91
Đông Malaysia	5490	40.87	4.9	35.97
Đông Malaysia	5500	40.93	4.9	36.03
Đông Malaysia	5510	40.99	4.9	36.09
Đông Malaysia	5520	41.05	4.9	36.15
Đông Malaysia	5530	41.11	4.9	36.21
Đông Malaysia	5540	41.17	4.9	36.27
Đông Malaysia	5550	41.23	4.9	36.33

Tây Malaysia	5560	41.29	4.9	36.39
Tây Malaysia	5570	41.35	4.9	36.45
Tây Malaysia	5580	41.41	4.9	36.51
Tây Malaysia	5590	41.47	4.9	36.57
Tây Malaysia	5600	41.53	4.9	36.63
Tây Malaysia	5610	41.59	4.9	36.69
Tây Malaysia	5620	41.65	4.9	36.75
Tây Malaysia	5630	41.71	4.9	36.81
Tây Malaysia	5640	41.77	4.9	36.87
Tây Malaysia	5650	41.83	4.9	36.93
Tây Malaysia	5660	41.89	4.9	36.99
Tây Malaysia	5670	41.95	4.9	37.05
Tây Malaysia	5680	42.01	4.9	37.11
Tây Malaysia	5690	42.07	4.9	37.17
Tây Malaysia	5700	42.13	4.9	37.23
Tây Malaysia	5710	42.19	4.9	37.29
Tây Malaysia	5720	42.25	4.9	37.35
Tây Malaysia	5730	42.31	4.9	37.41
Tây Malaysia	5740	42.37	4.9	37.47
Tây Malaysia	5750	42.43	4.9	37.53
Tây Malaysia	5760	42.49	4.9	37.59
Tây Malaysia	5770	42.55	4.9	37.65
Tây Malaysia	5780	42.61	4.9	37.71
Tây Malaysia	5790	42.67	4.9	37.77
Tây Malaysia	5800	42.73	4.9	37.83
Tây Malaysia	5810	42.79	4.9	37.89
Tây Malaysia	5820	42.85	4.9	37.95
Tây Malaysia	5830	42.91	4.9	38.01
Tây Malaysia	5840	42.97	4.9	38.07
Tây Malaysia	5850	43.03	4.9	38.13
Tây Malaysia	5860	43.09	4.9	38.19
Tây Malaysia	5870	43.15	4.9	38.25
Tây Malaysia	5880	43.21	4.9	38.31
Tây Malaysia	5890	43.27	4.9	38.37
Tây Malaysia	5900	43.33	4.9	38.43
Tây Malaysia	5910	43.39	4.9	38.49
Tây Malaysia	5920	43.45	4.9	38.55
Tây Malaysia	5930	43.51	4.9	38.61
Tây Malaysia	5940	43.57	4.9	38.67
Tây Malaysia	5950	43.63	4.9	38.73
Tây Malaysia	5960	43.69	4.9	38.79
Tây Malaysia	5970	43.75	4.9	38.85
Tây Malaysia	5980	43.81	4.9	38.91
Tây Malaysia	5990	43.87	4.9	38.97
Tây Malaysia	6000	43.93	4.9	39.03
Tây Malaysia	6010	43.99	4.9	39.09
Tây Malaysia	6020	44.05	4.9	39.15
Tây Malaysia	6030	44.11	4.9	39.21
Tây Malaysia	6040	44.17	4.9	39.27
Tây Malaysia	6050	44.23	4.9	39.33
Tây Malaysia	6060	44.29	4.9	39.39
Tây Malaysia	6070	44.35	4.9	39.45
Tây Malaysia	6080	44.41	4.9	39.51
Tây Malaysia	6090	44.47	4.9	39.57
Tây Malaysia	6100	44.53	4.9	39.63
Tây Malaysia	6110	44.59	4.9	39.69
Tây Malaysia	6120	44.65	4.9	39.75
Tây Malaysia	6130	44.71	4.9	39.81
Tây Malaysia	6140	44.77	4.9	39.87
Tây Malaysia	6150	44.83	4.9	39.93
Tây Malaysia	6160	44.89	4.9	39.99
Tây Malaysia	6170	44.95	4.9	40.05
Tây Malaysia	6180	45.01	4.9	40.11
Tây Malaysia	6190	45.07	4.9	40.17
Tây Malaysia	6200	45.13	4.9	40.23
Tây Malaysia	6210	45.19	4.9	40.29
Tây Malaysia	6220	45.25	4.9	40.35
Tây Malaysia	6230	45.31	4.9	40.41
Tây Malaysia	6240	45.37	4.9	40.47
Tây Malaysia	6250	45.43	4.9	40.53
Tây Malaysia	6260	45.49	4.9	40.59
Tây Malaysia	6270	45.55	4.9	40.65
Tây Malaysia	6280	45.61	4.9	40.71
Tây Malaysia	6290	45.67	4.9	40.77
Tây Malaysia	6300	45.73	4.9	40.83
Tây Malaysia	6310	45.79	4.9	40.89
Tây Malaysia	6320	45.85	4.9	40.95
Tây Malaysia	6330	45.91	4.9	41.01
Tây Malaysia	6340	45.97	4.9	41.07
Tây Malaysia	6350	46.03	4.9	41.13
Tây Malaysia	6360	46.09	4.9	41.19
Tây Malaysia	6370	46.15	4.9	41.25
Tây Malaysia	6380	46.21	4.9	41.31
Tây Malaysia	6390	46.27	4.9	41.37
Tây Malaysia	6400	46.33	4.9	41.43
Tây Malaysia	6410	46.39	4.9	41.49
Tây Malaysia	6420	46.45	4.9	41.55
Tây Malaysia	6430	46.51	4.9	41.61
Tây Malaysia	6440	46.57	4.9	41.67
Tây Malaysia	6450	46.63	4.9	41.73
Tây Malaysia	6460	46.69	4.9	41.79
Tây Malaysia	6470	46.75	4.9	41.85
Tây Malaysia	6480	46.81	4.9	41.91
Tây Malaysia	6490	46.87	4.9	41.97
Tây Malaysia	6500	46.93	4.9	42.03
Tây Malaysia	6510	46.99	4.9	42.09
Tây Malaysia	6520	47.05	4.9	42.15
Tây Malaysia	6530	47.11	4.9	42.21
Tây Malaysia	6540	47.17	4.9	42.27
Tây Malaysia	6550	47.23	4.9	42.33
Tây Malaysia	6560	47.29	4.9	42.39
Tây Malaysia	6570	47.35	4.9	42.45
Tây Malaysia	6580	47.41	4.9	42.51
Tây Malaysia	6590	47.47	4.9	42.57
Tây Malaysia	6600	47.53	4.9	42.63
Tây Malaysia	6610	47.59	4.9	42.69
Tây Malaysia	6620	47.65	4.9	42.75
Tây Malaysia	6630	47.71	4.9	42.81
Tây Malaysia	6640	47.77	4.9	42.87
Tây Malaysia	6650	47.83	4.9	42.93
Tây Malaysia	6660	47.89	4.9	42.99
Tây Malaysia	6670	47.95	4.9	43.05
Tây Malaysia	6680	48.01	4.9	43.11
Tây Malaysia	6690	48.07	4.9	43.17
Tây Malaysia	6700	48.13	4.9	43.23
Tây Malaysia	6710	48.19	4.9	43.29
Tây Malaysia	6720	48.25	4.9	43.35
Tây Malaysia	6730	48.31	4.9	43.41
Tây Malaysia	6740	48.37	4.9	43.47
Tây Malaysia	6750	48.43	4.9	43.53
Tây Malaysia	6760	48.49	4.9	43.59
Tây Malaysia	6770	48.55	4.9	43.65
Tây Malaysia	6780	48.61	4.9	43.71
Tây Malaysia	6790	48.67	4.9	43.77
Tây Malaysia	6800	48.73	4.9	43.83
Tây Malaysia	6810	48.79	4.9	43.89
Tây Malaysia	6820	48.85	4.9	43.95
Tây Malaysia	6830	48.91	4.9	44.01
Tây Malaysia	6840	48.97	4.9	44.07
Tây Malaysia	6850	49.03	4.9	44.13
Tây Malaysia	6860	49.09	4.9	44.19
Tây Malaysia	6870	49.15	4.9	44.25
Tây Malaysia	6880	49.21	4.9	44.31
Tây Malaysia	6890	49.27	4.9	44.37
Tây Malaysia	6900	49.33	4.9	44.43
Tây Malaysia	6910	49.39	4.9	44.49
Tây Malaysia	6920	49.45	4.9	44.55
Tây Malaysia	6930	49.51	4.9	44.61
Tây Malaysia	6940	49.57	4.9	44.67
Tây Malaysia	6950	49.63	4.9	44.73

Đông Malaysia	5560	41.29	4.9	36.39
Đông Malaysia	5570	41.35	4.9	36.45
Đông Malaysia	5580	41.41	4.9	36.51
Đông Malaysia	5590	41.47	4.9	36.57
Đông Malaysia	5600	41.53	4.9	36.63
Đông Malaysia	5610	41.59	4.9	36.69
Đông Malaysia	5620	41.65	4.9	36.75
Đông Malaysia	5630	41.71	4.9	36.81
Đông Malaysia	5640	41.77	4.9	36.87
Đông Malaysia	5650	41.83	4.9	36.93
Đông Malaysia	5660	41.89	4.9	36.99
Đông Malaysia	5670	41.95	4.9	37.05
Đông Malaysia	5680	42.01	4.9	37.11
Đông Malaysia	5690	42.07	4.9	37.17
Đông Malaysia	5700	42.13	4.9	37.23
Đông Malaysia	5710	42.19	4.9	37.29
Đông Malaysia	5720	42.25	4.9	37.35
Đông Malaysia	5730	42.31	4.9	37.41
Đông Malaysia	5740	42.37	4.9	37.47
Đông Malaysia	5750	42.43	4.9	37.53
Đông Malaysia	5760	42.49	4.9	37.59
Đông Malaysia	5770	42.55	4.9	37.65
Đông Malaysia	5780	42.61	4.9	37.71
Đông Malaysia	5790	42.67	4.9	37.77
Đông Malaysia	5800	42.73	4.9	37.83
Đông Malaysia	5810	42.79	4.9	37.89
Đông Malaysia	5820	42.85	4.9	37.95
Đông Malaysia	5830	42.91	4.9	38.01
Đông Malaysia	5840	42.97	4.9	38.07
Đông Malaysia	5850	43.03	4.9	38.13
Đông Malaysia	5860	43.09	4.9	38.19
Đông Malaysia	5870	43.15	4.9	38.25
Đông Malaysia	5880	43.21	4.9	38.31
Đông Malaysia	5890	43.27	4.9	38.37
Đông Malaysia	5900	43.33	4.9	38.43
Đông Malaysia	5910	43.39	4.9	38.49
Đông Malaysia	5920	43.45	4.9	38.55
Đông Malaysia	5930	43.51	4.9	38.61
Đông Malaysia	5940	43.57	4.9	38.67
Đông Malaysia	5950	43.63	4.9	38.73
Đông Malaysia	5960	43.69	4.9	38.79
Đông Malaysia	5970	43.75	4.9	38.85
Đông Malaysia	5980	43.81	4.9	38.91
Đông Malaysia	5990	43.87	4.9	38.97
Đông Malaysia	6000	43.93	4.9	39.03
Đông Malaysia	6010	43.99	4.9	39.09
Đông Malaysia	6020	44.05	4.9	39.15
Đông Malaysia	6030	44.11	4.9	39.21
Đông Malaysia	6040	44.17	4.9	39.27
Đông Malaysia	6050	44.23	4.9	39.33
Đông Malaysia	6060	44.29	4.9	39.39
Đông Malaysia	6070	44.35	4.9	39.45
Đông Malaysia	6080	44.41	4.9	39.51
Đông Malaysia	6090	44.47	4.9	39.57
Đông Malaysia	6100	44.53	4.9	39.63
Đông Malaysia	6110	44.59	4.9	39.69
Đông Malaysia	6120	44.65	4.9	39.75
Đông Malaysia	6130	44.71	4.9	39.81
Đông Malaysia	6140	44.77	4.9	39.87
Đông Malaysia	6150	44.83	4.9	39.93
Đông Malaysia	6160	44.89	4.9	39.99
Đông Malaysia	6170	44.95	4.9	40.05
Đông Malaysia	6180	45.01	4.9	40.11
Đông Malaysia	6190	45.07	4.9	40.17
Đông Malaysia	6200	45.13	4.9	40.23
Đông Malaysia	6210	45.19	4.9	40.29
Đông Malaysia	6220	45.25	4.9	40.35
Đông Malaysia	6230	45.31	4.9	40.41
Đông Malaysia	6240	45.37	4.9	40.47
Đông Malaysia	6250	45.43	4.9	40.53
Đông Malaysia	6260	45.49	4.9	40.59
Đông Malaysia	6270	45.55	4.9	40.65
Đông Malaysia	6280	45.61	4.9	40.71
Đông Malaysia	6290	45.67	4.9	40.77
Đông Malaysia	6300	45.73	4.9	40.83
Đông Malaysia	6310	45.79	4.9	40.89
Đông Malaysia	6320	45.85	4.9	40.95
Đông Malaysia	6330	45.91	4.9	41.01
Đông Malaysia	6340	45.97	4.9	41.07
Đông Malaysia	6350	46.03	4.9	41.13
Đông Malaysia	6360	46.09	4.9	41.19
Đông Malaysia	6370	46.15	4.9	41.25
Đông Malaysia	6380	46.21	4.9	41.31
Đông Malaysia	6390	46.27	4.9	41.37
Đông Malaysia	6400	46.33	4.9	41.43
Đông Malaysia	6410	46.39	4.9	41.49
Đông Malaysia	6420	46.45	4.9	41.55
Đông Malaysia	6430	46.51	4.9	41.61
Đông Malaysia	6440	46.57	4.9	41.67
Đông Malaysia	6450	46.63	4.9	41.73
Đông Malaysia	6460	46.69	4.9	41.79
Đông Malaysia	6470	46.75	4.9	41.85
Đông Malaysia	6480	46.81	4.9	41.91
Đông Malaysia	6490	46.87	4.9	41.97
Đông Malaysia	6500	46.93	4.9	42.03
Đông Malaysia	6510	46.99	4.9	42.09
Đông Malaysia	6520	47.05	4.9	42.15
Đông Malaysia	6530	47.11	4.9	42.21
Đông Malaysia	6540	47.17	4.9	42.27
Đông Malaysia	6550	47.23	4.9	42.33
Đông Malaysia	6560	47.29	4.9	42.39
Đông Malaysia	6570	47.35	4.9	42.45
Đông Malaysia	6580	47.41	4.9	42.51
Đông Malaysia	6590	47.47	4.9	42.57
Đông Malaysia	6600	47.53	4.9	42.63
Đông Malaysia	6610	47.59	4.9	42.69
Đông Malaysia	6620	47.65	4.9	42.75
Đông Malaysia	6630	47.71	4.9	42.81
Đông Malaysia	6640	47.77	4.9	42.87
Đông Malaysia	6650	47.83	4.9	42.93
Đông Malaysia	6660	47.89	4.9	42.99
Đông Malaysia	6670	47.95	4.9	43.05
Đông Malaysia	6680	48.01	4.9	43.11
Đông Malaysia	6690	48.07	4.9	43.17
Đông Malaysia	6700	48.13	4.9	43.23
Đông Malaysia	6710	48.19	4.9	43.29
Đông Malaysia	6720	48.25	4.9	43.35
Đông Malaysia	6730	48.31	4.9	43.41
Đông Malaysia	6740	48.37	4.9	43.47
Đông Malaysia	6750	48.43	4.9	43.53
Đông Malaysia	6760	48.49	4.9	43.59
Đông Malaysia	6770	48.55	4.9	43.65
Đông Malaysia	6780	48.61	4.9	43.71
Đông Malaysia	6790	48.67	4.9	43.77
Đông Malaysia	6800	48.73	4.9	43.83
Đông Malaysia	6810	48.79	4.9	43.89
Đông Malaysia	6820	48.85	4.9	43.95
Đông Malaysia	6830	48.91	4.9	44.01
Đông Malaysia	6840	48.97	4.9	44.07
Đông Malaysia	6850	49.03	4.9	44.13
Đông Malaysia	6860	49.09	4.9	44.19
Đông Malaysia	6870	49.15	4.9	44.25
Đông Malaysia	6880	49.21	4.9	44.31
Đông Malaysia	6890	49.27	4.9	44.37
Đông Malaysia	6900	49.33	4.9	44.43
Đông Malaysia	6910	49.39	4.9	44.49
Đông Malaysia	6920	49.45	4.9	44.55
Đông Malaysia	6930	49.51	4.9	44.61
Đông Malaysia	6940	49.57	4.9	44.67
Đông Malaysia	6950	49.63	4.9	44.73

Tây Malaysia	6960	49.69	4.9	44.79
Tây Malaysia	6970	49.75	4.9	44.85
Tây Malaysia	6980	49.81	4.9	44.91
Tây Malaysia	6990	49.87	4.9	44.97
Tây Malaysia	7000	49.93	4.9	45.03
Tây Malaysia	7010	49.99	4.9	45.09
Tây Malaysia	7020	50.05	4.9	45.15
Tây Malaysia	7030	50.11	4.9	45.21
Tây Malaysia	7040	50.17	4.9	45.27
Tây Malaysia	7050	50.23	4.9	45.33
Tây Malaysia	7060	50.29	4.9	45.39
Tây Malaysia	7070	50.35	4.9	45.45
Tây Malaysia	7080	50.41	4.9	45.51
Tây Malaysia	7090	50.47	4.9	45.57
Tây Malaysia	7100	50.53	4.9	45.63
Tây Malaysia	7110	50.59	4.9	45.69
Tây Malaysia	7120	50.65	4.9	45.75
Tây Malaysia	7130	50.71	4.9	45.81
Tây Malaysia	7140	50.77	4.9	45.87
Tây Malaysia	7150	50.83	4.9	45.93
Tây Malaysia	7160	50.89	4.9	45.99
Tây Malaysia	7170	50.95	4.9	46.05
Tây Malaysia	7180	51.01	4.9	46.11
Tây Malaysia	7190	51.07	4.9	46.17
Tây Malaysia	7200	51.13	4.9	46.23
Tây Malaysia	7210	51.19	4.9	46.29
Tây Malaysia	7220	51.25	4.9	46.35
Tây Malaysia	7230	51.31	4.9	46.41
Tây Malaysia	7240	51.37	4.9	46.47
Tây Malaysia	7250	51.43	4.9	46.53
Tây Malaysia	7260	51.49	4.9	46.59
Tây Malaysia	7270	51.55	4.9	46.65
Tây Malaysia	7280	51.61	4.9	46.71
Tây Malaysia	7290	51.67	4.9	46.77
Tây Malaysia	7300	51.73	4.9	46.83
Tây Malaysia	7310	51.79	4.9	46.89
Tây Malaysia	7320	51.85	4.9	46.95
Tây Malaysia	7330	51.91	4.9	47.01
Tây Malaysia	7340	51.97	4.9	47.07
Tây Malaysia	7350	52.03	4.9	47.13
Tây Malaysia	7360	52.09	4.9	47.19
Tây Malaysia	7370	52.15	4.9	47.25
Tây Malaysia	7380	52.21	4.9	47.31
Tây Malaysia	7390	52.27	4.9	47.37
Tây Malaysia	7400	52.33	4.9	47.43
Tây Malaysia	7410	52.39	4.9	47.49
Tây Malaysia	7420	52.45	4.9	47.55
Tây Malaysia	7430	52.51	4.9	47.61
Tây Malaysia	7440	52.57	4.9	47.67
Tây Malaysia	7450	52.63	4.9	47.73
Tây Malaysia	7460	52.69	4.9	47.79
Tây Malaysia	7470	52.75	4.9	47.85
Tây Malaysia	7480	52.81	4.9	47.91
Tây Malaysia	7490	52.87	4.9	47.97
Tây Malaysia	7500	52.93	4.9	48.03
Tây Malaysia	7510	52.99	4.9	48.09
Tây Malaysia	7520	53.05	4.9	48.15
Tây Malaysia	7530	53.11	4.9	48.21
Tây Malaysia	7540	53.17	4.9	48.27
Tây Malaysia	7550	53.23	4.9	48.33
Tây Malaysia	7560	53.29	4.9	48.39
Tây Malaysia	7570	53.35	4.9	48.45
Tây Malaysia	7580	53.41	4.9	48.51
Tây Malaysia	7590	53.47	4.9	48.57
Tây Malaysia	7600	53.53	4.9	48.63
Tây Malaysia	7610	53.59	4.9	48.69
Tây Malaysia	7620	53.65	4.9	48.75
Tây Malaysia	7630	53.71	4.9	48.81
Tây Malaysia	7640	53.77	4.9	48.87
Tây Malaysia	7650	53.83	4.9	48.93
Tây Malaysia	7660	53.89	4.9	48.99
Tây Malaysia	7670	53.95	4.9	49.05
Tây Malaysia	7680	54.01	4.9	49.11
Tây Malaysia	7690	54.07	4.9	49.17
Tây Malaysia	7700	54.13	4.9	49.23
Tây Malaysia	7710	54.19	4.9	49.29
Tây Malaysia	7720	54.25	4.9	49.35
Tây Malaysia	7730	54.31	4.9	49.41
Tây Malaysia	7740	54.37	4.9	49.47
Tây Malaysia	7750	54.43	4.9	49.53
Tây Malaysia	7760	54.49	4.9	49.59
Tây Malaysia	7770	54.55	4.9	49.65
Tây Malaysia	7780	54.61	4.9	49.71
Tây Malaysia	7790	54.67	4.9	49.77
Tây Malaysia	7800	54.73	4.9	49.83
Tây Malaysia	7810	54.79	4.9	49.89
Tây Malaysia	7820	54.85	4.9	49.95
Tây Malaysia	7830	54.91	4.9	50.01
Tây Malaysia	7840	54.97	4.9	50.07
Tây Malaysia	7850	55.03	4.9	50.13
Tây Malaysia	7860	55.09	4.9	50.19
Tây Malaysia	7870	55.15	4.9	50.25
Tây Malaysia	7880	55.21	4.9	50.31
Tây Malaysia	7890	55.27	4.9	50.37
Tây Malaysia	7900	55.33	4.9	50.43
Tây Malaysia	7910	55.39	4.9	50.49
Tây Malaysia	7920	55.45	4.9	50.55
Tây Malaysia	7930	55.51	4.9	50.61
Tây Malaysia	7940	55.57	4.9	50.67
Tây Malaysia	7950	55.63	4.9	50.73
Tây Malaysia	7960	55.69	4.9	50.79
Tây Malaysia	7970	55.75	4.9	50.85
Tây Malaysia	7980	55.81	4.9	50.91
Tây Malaysia	7990	55.87	4.9	50.97
Tây Malaysia	8000	55.93	4.9	51.03
Tây Malaysia	8010	55.99	4.9	51.09
Tây Malaysia	8020	56.05	4.9	51.15
Tây Malaysia	8030	56.11	4.9	51.21
Tây Malaysia	8040	56.17	4.9	51.27
Tây Malaysia	8050	56.23	4.9	51.33
Tây Malaysia	8060	56.29	4.9	51.39
Tây Malaysia	8070	56.35	4.9	51.45
Tây Malaysia	8080	56.41	4.9	51.51
Tây Malaysia	8090	56.47	4.9	51.57
Tây Malaysia	8100	56.53	4.9	51.63
Tây Malaysia	8110	56.59	4.9	51.69
Tây Malaysia	8120	56.65	4.9	51.75
Tây Malaysia	8130	56.71	4.9	51.81
Tây Malaysia	8140	56.77	4.9	51.87
Tây Malaysia	8150	56.83	4.9	51.93
Tây Malaysia	8160	56.89	4.9	51.99
Tây Malaysia	8170	56.95	4.9	52.05
Tây Malaysia	8180	57.01	4.9	52.11
Tây Malaysia	8190	57.07	4.9	52.17
Tây Malaysia	8200	57.13	4.9	52.23
Tây Malaysia	8210	57.19	4.9	52.29
Tây Malaysia	8220	57.25	4.9	52.35
Tây Malaysia	8230	57.31	4.9	52.41
Tây Malaysia	8240	57.37	4.9	52.47
Tây Malaysia	8250	57.43	4.9	52.53
Tây Malaysia	8260	57.49	4.9	52.59
Tây Malaysia	8270	57.55	4.9	52.65
Tây Malaysia	8280	57.61	4.9	52.71
Tây Malaysia	8290	57.67	4.9	52.77
Tây Malaysia	8300	57.73	4.9	52.83
Tây Malaysia	8310	57.79	4.9	52.89
Tây Malaysia	8320	57.85	4.9	52.95
Tây Malaysia	8330	57.91	4.9	53.01
Tây Malaysia	8340	57.97	4.9	53.07
Tây Malaysia	8350	58.03	4.9	53.13

Đông Malaysia	6960	49.69	4.9	44.79
Đông Malaysia	6970	49.75	4.9	44.85
Đông Malaysia	6980	49.81	4.9	44.91
Đông Malaysia	6990	49.87	4.9	44.97
Đông Malaysia	7000	49.93	4.9	45.03
Đông Malaysia	7010	49.99	4.9	45.09
Đông Malaysia	7020	50.05	4.9	45.15
Đông Malaysia	7030	50.11	4.9	45.21
Đông Malaysia	7040	50.17	4.9	45.27
Đông Malaysia	7050	50.23	4.9	45.33
Đông Malaysia	7060	50.29	4.9	45.39
Đông Malaysia	7070	50.35	4.9	45.45
Đông Malaysia	7080	50.41	4.9	45.51
Đông Malaysia	7090	50.47	4.9	45.57
Đông Malaysia	7100	50.53	4.9	45.63
Đông Malaysia	7110	50.59	4.9	45.69
Đông Malaysia	7120	50.65	4.9	45.75
Đông Malaysia	7130	50.71	4.9	45.81
Đông Malaysia	7140	50.77	4.9	45.87
Đông Malaysia	7150	50.83	4.9	45.93
Đông Malaysia	7160	50.89	4.9	45.99
Đông Malaysia	7170	50.95	4.9	46.05
Đông Malaysia	7180	51.01	4.9	46.11
Đông Malaysia	7190	51.07	4.9	46.17
Đông Malaysia	7200	51.13	4.9	46.23
Đông Malaysia	7210	51.19	4.9	46.29
Đông Malaysia	7220	51.25	4.9	46.35
Đông Malaysia	7230	51.31	4.9	46.41
Đông Malaysia	7240	51.37	4.9	46.47
Đông Malaysia	7250	51.43	4.9	46.53
Đông Malaysia	7260	51.49	4.9	46.59
Đông Malaysia	7270	51.55	4.9	46.65
Đông Malaysia	7280	51.61	4.9	46.71
Đông Malaysia	7290	51.67	4.9	46.77
Đông Malaysia	7300	51.73	4.9	46.83
Đông Malaysia	7310	51.79	4.9	46.89
Đông Malaysia	7320	51.85	4.9	46.95
Đông Malaysia	7330	51.91	4.9	47.01
Đông Malaysia	7340	51.97	4.9	47.07
Đông Malaysia	7350	52.03	4.9	47.13
Đông Malaysia	7360	52.09	4.9	47.19
Đông Malaysia	7370	52.15	4.9	47.25
Đông Malaysia	7380	52.21	4.9	47.31
Đông Malaysia	7390	52.27	4.9	47.37
Đông Malaysia	7400	52.33	4.9	47.43
Đông Malaysia	7410	52.39	4.9	47.49
Đông Malaysia	7420	52.45	4.9	47.55
Đông Malaysia	7430	52.51	4.9	47.61
Đông Malaysia	7440	52.57	4.9	47.67
Đông Malaysia	7450	52.63	4.9	47.73
Đông Malaysia	7460	52.69	4.9	47.79
Đông Malaysia	7470	52.75	4.9	47.85
Đông Malaysia	7480	52.81	4.9	47.91
Đông Malaysia	7490	52.87	4.9	47.97
Đông Malaysia	7500	52.93	4.9	48.03
Đông Malaysia	7510	52.99	4.9	48.09
Đông Malaysia	7520	53.05	4.9	48.15
Đông Malaysia	7530	53.11	4.9	48.21
Đông Malaysia	7540	53.17	4.9	48.27
Đông Malaysia	7550	53.23	4.9	48.33
Đông Malaysia	7560	53.29	4.9	48.39
Đông Malaysia	7570	53.35	4.9	48.45
Đông Malaysia	7580	53.41	4.9	48.51
Đông Malaysia	7590	53.47	4.9	48.57
Đông Malaysia	7600	53.53	4.9	48.63
Đông Malaysia	7610	53.59	4.9	48.69
Đông Malaysia	7620	53.65	4.9	48.75
Đông Malaysia	7630	53.71	4.9	48.81
Đông Malaysia	7640	53.77	4.9	48.87
Đông Malaysia	7650	53.83	4.9	48.93
Đông Malaysia	7660	53.89	4.9	48.99
Đông Malaysia	7670	53.95	4.9	49.05
Đông Malaysia	7680	54.01	4.9	49.11
Đông Malaysia	7690	54.07	4.9	49.17
Đông Malaysia	7700	54.13	4.9	49.23
Đông Malaysia	7710	54.19	4.9	49.29
Đông Malaysia	7720	54.25	4.9	49.35
Đông Malaysia	7730	54.31	4.9	49.41
Đông Malaysia	7740	54.37	4.9	49.47
Đông Malaysia	7750	54.43	4.9	49.53
Đông Malaysia	7760	54.49	4.9	49.59
Đông Malaysia	7770	54.55	4.9	49.65
Đông Malaysia	7780	54.61	4.9	49.71
Đông Malaysia	7790	54.67	4.9	49.77
Đông Malaysia	7800	54.73	4.9	49.83
Đông Malaysia	7810	54.79	4.9	49.89
Đông Malaysia	7820	54.85	4.9	49.95
Đông Malaysia	7830	54.91	4.9	50.01
Đông Malaysia	7840	54.97	4.9	50.07
Đông Malaysia	7850	55.03	4.9	50.13
Đông Malaysia	7860	55.09	4.9	50.19
Đông Malaysia	7870	55.15	4.9	50.25
Đông Malaysia	7880	55.21	4.9	50.31
Đông Malaysia	7890	55.27	4.9	50.37
Đông Malaysia	7900	55.33	4.9	50.43
Đông Malaysia	7910	55.39	4.9	50.49
Đông Malaysia	7920	55.45	4.9	50.55
Đông Malaysia	7930	55.51	4.9	50.61
Đông Malaysia	7940	55.57	4.9	50.67
Đông Malaysia	7950	55.63	4.9	50.73
Đông Malaysia	7960	55.69	4.9	50.79
Đông Malaysia	7970	55.75	4.9	50.85
Đông Malaysia	7980	55.81	4.9	50.91
Đông Malaysia	7990	55.87	4.9	50.97
Đông Malaysia	8000	55.93	4.9	51.03
Đông Malaysia	8010	55.99	4.9	51.09
Đông Malaysia	8020	56.05	4.9	51.15
Đông Malaysia	8030	56.11	4.9	51.21
Đông Malaysia	8040	56.17	4.9	51.27
Đông Malaysia	8050	56.23	4.9	51.33
Đông Malaysia	8060	56.29	4.9	51.39
Đông Malaysia	8070	56.35	4.9	51.45
Đông Malaysia	8080	56.41	4.9	51.51
Đông Malaysia	8090	56.47	4.9	51.57
Đông Malaysia	8100	56.53	4.9	51.63
Đông Malaysia	8110	56.59	4.9	51.69
Đông Malaysia	8120	56.65	4.9	51.75
Đông Malaysia	8130	56.71	4.9	51.81
Đông Malaysia	8140	56.77	4.9	51.87
Đông Malaysia	8150	56.83	4.9	51.93
Đông Malaysia	8160	56.89	4.9	51.99
Đông Malaysia	8170	56.95	4.9	52.05
Đông Malaysia	8180	57.01	4.9	52.11
Đông Malaysia	8190	57.07	4.9	52.17
Đông Malaysia	8200	57.13	4.9	52.23
Đông Malaysia	8210	57.19	4.9	52.29
Đông Malaysia	8220	57.25	4.9	52.35
Đông Malaysia	8230	57.31	4.9	52.41
Đông Malaysia	8240	57.37	4.9	52.47
Đông Malaysia	8250	57.43	4.9	52.53
Đông Malaysia	8260	57.49	4.9	52.59
Đông Malaysia	8270	57.55	4.9	52.65
Đông Malaysia	8280	57.61	4.9	52.71
Đông Malaysia	8290	57.67	4.9	52.77
Đông Malaysia	8300	57.73	4.9	52.83
Đông Malaysia	8310	57.79	4.9	52.89
Đông Malaysia	8320	57.85	4.9	52.95
Đông Malaysia	8330	57.91	4.9	53.01
Đông Malaysia	8340	57.97	4.9	53.07
Đông Malaysia	8350	58.03	4.9	53.13

Tây Malaysia	8360	58.09	4.9	53.19
Tây Malaysia	8370	58.15	4.9	53.25
Tây Malaysia	8380	58.21	4.9	53.31
Tây Malaysia	8390	58.27	4.9	53.37
Tây Malaysia	8400	58.33	4.9	53.43
Tây Malaysia	8410	58.39	4.9	53.49
Tây Malaysia	8420	58.45	4.9	53.55
Tây Malaysia	8430	58.51	4.9	53.61
Tây Malaysia	8440	58.57	4.9	53.67
Tây Malaysia	8450	58.63	4.9	53.73
Tây Malaysia	8460	58.69	4.9	53.79
Tây Malaysia	8470	58.75	4.9	53.85
Tây Malaysia	8480	58.81	4.9	53.91
Tây Malaysia	8490	58.87	4.9	53.97
Tây Malaysia	8500	58.93	4.9	54.03
Tây Malaysia	8510	58.99	4.9	54.09
Tây Malaysia	8520	59.05	4.9	54.15
Tây Malaysia	8530	59.11	4.9	54.21
Tây Malaysia	8540	59.17	4.9	54.27
Tây Malaysia	8550	59.23	4.9	54.33
Tây Malaysia	8560	59.29	4.9	54.39
Tây Malaysia	8570	59.35	4.9	54.45
Tây Malaysia	8580	59.41	4.9	54.51
Tây Malaysia	8590	59.47	4.9	54.57
Tây Malaysia	8600	59.53	4.9	54.63
Tây Malaysia	8610	59.59	4.9	54.69
Tây Malaysia	8620	59.65	4.9	54.75
Tây Malaysia	8630	59.71	4.9	54.81
Tây Malaysia	8640	59.77	4.9	54.87
Tây Malaysia	8650	59.83	4.9	54.93
Tây Malaysia	8660	59.89	4.9	54.99
Tây Malaysia	8670	59.95	4.9	55.05
Tây Malaysia	8680	60.01	4.9	55.11
Tây Malaysia	8690	60.07	4.9	55.17
Tây Malaysia	8700	60.13	4.9	55.23
Tây Malaysia	8710	60.19	4.9	55.29
Tây Malaysia	8720	60.25	4.9	55.35
Tây Malaysia	8730	60.31	4.9	55.41
Tây Malaysia	8740	60.37	4.9	55.47
Tây Malaysia	8750	60.43	4.9	55.53
Tây Malaysia	8760	60.49	4.9	55.59
Tây Malaysia	8770	60.55	4.9	55.65
Tây Malaysia	8780	60.61	4.9	55.71
Tây Malaysia	8790	60.67	4.9	55.77
Tây Malaysia	8800	60.73	4.9	55.83
Tây Malaysia	8810	60.79	4.9	55.89
Tây Malaysia	8820	60.85	4.9	55.95
Tây Malaysia	8830	60.91	4.9	56.01
Tây Malaysia	8840	60.97	4.9	56.07
Tây Malaysia	8850	61.03	4.9	56.13
Tây Malaysia	8860	61.09	4.9	56.19
Tây Malaysia	8870	61.15	4.9	56.25
Tây Malaysia	8880	61.21	4.9	56.31
Tây Malaysia	8890	61.27	4.9	56.37
Tây Malaysia	8900	61.33	4.9	56.43
Tây Malaysia	8910	61.39	4.9	56.49
Tây Malaysia	8920	61.45	4.9	56.55
Tây Malaysia	8930	61.51	4.9	56.61
Tây Malaysia	8940	61.57	4.9	56.67
Tây Malaysia	8950	61.63	4.9	56.73
Tây Malaysia	8960	61.69	4.9	56.79
Tây Malaysia	8970	61.75	4.9	56.85
Tây Malaysia	8980	61.81	4.9	56.91
Tây Malaysia	8990	61.87	4.9	56.97
Tây Malaysia	9000	61.93	4.9	57.03
Tây Malaysia	9010	61.99	4.9	57.09
Tây Malaysia	9020	62.05	4.9	57.15
Tây Malaysia	9030	62.11	4.9	57.21
Tây Malaysia	9040	62.17	4.9	57.27
Tây Malaysia	9050	62.23	4.9	57.33
Tây Malaysia	9060	62.29	4.9	57.39
Tây Malaysia	9070	62.35	4.9	57.45
Tây Malaysia	9080	62.41	4.9	57.51
Tây Malaysia	9090	62.47	4.9	57.57
Tây Malaysia	9100	62.53	4.9	57.63
Tây Malaysia	9110	62.59	4.9	57.69
Tây Malaysia	9120	62.65	4.9	57.75
Tây Malaysia	9130	62.71	4.9	57.81
Tây Malaysia	9140	62.77	4.9	57.87
Tây Malaysia	9150	62.83	4.9	57.93
Tây Malaysia	9160	62.89	4.9	57.99
Tây Malaysia	9170	62.95	4.9	58.05
Tây Malaysia	9180	63.01	4.9	58.11
Tây Malaysia	9190	63.07	4.9	58.17
Tây Malaysia	9200	63.13	4.9	58.23
Tây Malaysia	9210	63.19	4.9	58.29
Tây Malaysia	9220	63.25	4.9	58.35
Tây Malaysia	9230	63.31	4.9	58.41
Tây Malaysia	9240	63.37	4.9	58.47
Tây Malaysia	9250	63.43	4.9	58.53
Tây Malaysia	9260	63.49	4.9	58.59
Tây Malaysia	9270	63.55	4.9	58.65
Tây Malaysia	9280	63.61	4.9	58.71
Tây Malaysia	9290	63.67	4.9	58.77
Tây Malaysia	9300	63.73	4.9	58.83
Tây Malaysia	9310	63.79	4.9	58.89
Tây Malaysia	9320	63.85	4.9	58.95
Tây Malaysia	9330	63.91	4.9	59.01
Tây Malaysia	9340	63.97	4.9	59.07
Tây Malaysia	9350	64.03	4.9	59.13
Tây Malaysia	9360	64.09	4.9	59.19
Tây Malaysia	9370	64.15	4.9	59.25
Tây Malaysia	9380	64.21	4.9	59.31
Tây Malaysia	9390	64.27	4.9	59.37
Tây Malaysia	9400	64.33	4.9	59.43
Tây Malaysia	9410	64.39	4.9	59.49
Tây Malaysia	9420	64.45	4.9	59.55
Tây Malaysia	9430	64.51	4.9	59.61
Tây Malaysia	9440	64.57	4.9	59.67
Tây Malaysia	9450	64.63	4.9	59.73
Tây Malaysia	9460	64.69	4.9	59.79
Tây Malaysia	9470	64.75	4.9	59.85
Tây Malaysia	9480	64.81	4.9	59.91
Tây Malaysia	9490	64.87	4.9	59.97
Tây Malaysia	9500	64.93	4.9	60.03
Tây Malaysia	9510	64.99	4.9	60.09
Tây Malaysia	9520	65.05	4.9	60.15
Tây Malaysia	9530	65.11	4.9	60.21
Tây Malaysia	9540	65.17	4.9	60.27
Tây Malaysia	9550	65.23	4.9	60.33
Tây Malaysia	9560	65.29	4.9	60.39
Tây Malaysia	9570	65.35	4.9	60.45
Tây Malaysia	9580	65.41	4.9	60.51
Tây Malaysia	9590	65.47	4.9	60.57
Tây Malaysia	9600	65.53	4.9	60.63
Tây Malaysia	9610	65.59	4.9	60.69
Tây Malaysia	9620	65.65	4.9	60.75
Tây Malaysia	9630	65.71	4.9	60.81
Tây Malaysia	9640	65.77	4.9	60.87
Tây Malaysia	9650	65.83	4.9	60.93
Tây Malaysia	9660	65.89	4.9	60.99
Tây Malaysia	9670	65.95	4.9	61.05
Tây Malaysia	9680	66.01	4.9	61.11
Tây Malaysia	9690	66.07	4.9	61.17
Tây Malaysia	9700	66.13	4.9	61.23
Tây Malaysia	9710	66.19	4.9	61.29
Tây Malaysia	9720	66.25	4.9	61.35
Tây Malaysia	9730	66.31	4.9	61.41
Tây Malaysia	9740	66.37	4.9	61.47
Tây Malaysia	9750	66.43	4.9	61.53

Đông Malaysia	8360	58.09	4.9	53.19
Đông Malaysia	8370	58.15	4.9	53.25
Đông Malaysia	8380	58.21	4.9	53.31
Đông Malaysia	8390	58.27	4.9	53.37
Đông Malaysia	8400	58.33	4.9	53.43
Đông Malaysia	8410	58.39	4.9	53.49
Đông Malaysia	8420	58.45	4.9	53.55
Đông Malaysia	8430	58.51	4.9	53.61
Đông Malaysia	8440	58.57	4.9	53.67
Đông Malaysia	8450	58.63	4.9	53.73
Đông Malaysia	8460	58.69	4.9	53.79
Đông Malaysia	8470	58.75	4.9	53.85
Đông Malaysia	8480	58.81	4.9	53.91
Đông Malaysia	8490	58.87	4.9	53.97
Đông Malaysia	8500	58.93	4.9	54.03
Đông Malaysia	8510	58.99	4.9	54.09
Đông Malaysia	8520	59.05	4.9	54.15
Đông Malaysia	8530	59.11	4.9	54.21
Đông Malaysia	8540	59.17	4.9	54.27
Đông Malaysia	8550	59.23	4.9	54.33
Đông Malaysia	8560	59.29	4.9	54.39
Đông Malaysia	8570	59.35	4.9	54.45
Đông Malaysia	8580	59.41	4.9	54.51
Đông Malaysia	8590	59.47	4.9	54.57
Đông Malaysia	8600	59.53	4.9	54.63
Đông Malaysia	8610	59.59	4.9	54.69
Đông Malaysia	8620	59.65	4.9	54.75
Đông Malaysia	8630	59.71	4.9	54.81
Đông Malaysia	8640	59.77	4.9	54.87
Đông Malaysia	8650	59.83	4.9	54.93
Đông Malaysia	8660	59.89	4.9	54.99
Đông Malaysia	8670	59.95	4.9	55.05
Đông Malaysia	8680	60.01	4.9	55.11
Đông Malaysia	8690	60.07	4.9	55.17
Đông Malaysia	8700	60.13	4.9	55.23
Đông Malaysia	8710	60.19	4.9	55.29
Đông Malaysia	8720	60.25	4.9	55.35
Đông Malaysia	8730	60.31	4.9	55.41
Đông Malaysia	8740	60.37	4.9	55.47
Đông Malaysia	8750	60.43	4.9	55.53
Đông Malaysia	8760	60.49	4.9	55.59
Đông Malaysia	8770	60.55	4.9	55.65
Đông Malaysia	8780	60.61	4.9	55.71
Đông Malaysia	8790	60.67	4.9	55.77
Đông Malaysia	8800	60.73	4.9	55.83
Đông Malaysia	8810	60.79	4.9	55.89
Đông Malaysia	8820	60.85	4.9	55.95
Đông Malaysia	8830	60.91	4.9	56.01
Đông Malaysia	8840	60.97	4.9	56.07
Đông Malaysia	8850	61.03	4.9	56.13
Đông Malaysia	8860	61.09	4.9	56.19
Đông Malaysia	8870	61.15	4.9	56.25
Đông Malaysia	8880	61.21	4.9	56.31
Đông Malaysia	8890	61.27	4.9	56.37
Đông Malaysia	8900	61.33	4.9	56.43
Đông Malaysia	8910	61.39	4.9	56.49
Đông Malaysia	8920	61.45	4.9	56.55
Đông Malaysia	8930	61.51	4.9	56.61
Đông Malaysia	8940	61.57	4.9	56.67
Đông Malaysia	8950	61.63	4.9	56.73
Đông Malaysia	8960	61.69	4.9	56.79
Đông Malaysia	8970	61.75	4.9	56.85
Đông Malaysia	8980	61.81	4.9	56.91
Đông Malaysia	8990	61.87	4.9	56.97
Đông Malaysia	9000	61.93	4.9	57.03
Đông Malaysia	9010	61.99	4.9	57.09
Đông Malaysia	9020	62.05	4.9	57.15
Đông Malaysia	9030	62.11	4.9	57.21
Đông Malaysia	9040	62.17	4.9	57.27
Đông Malaysia	9050	62.23	4.9	57.33
Đông Malaysia	9060	62.29	4.9	57.39
Đông Malaysia	9070	62.35	4.9	57.45
Đông Malaysia	9080	62.41	4.9	57.51
Đông Malaysia	9090	62.47	4.9	57.57
Đông Malaysia	9100	62.53	4.9	57.63
Đông Malaysia	9110	62.59	4.9	57.69
Đông Malaysia	9120	62.65	4.9	57.75
Đông Malaysia	9130	62.71	4.9	57.81
Đông Malaysia	9140	62.77	4.9	57.87
Đông Malaysia	9150	62.83	4.9	57.93
Đông Malaysia	9160	62.89	4.9	57.99
Đông Malaysia	9170	62.95	4.9	58.05
Đông Malaysia	9180	63.01	4.9	58.11
Đông Malaysia	9190	63.07	4.9	58.17
Đông Malaysia	9200	63.13	4.9	58.23
Đông Malaysia	9210	63.19	4.9	58.29
Đông Malaysia	9220	63.25	4.9	58.35
Đông Malaysia	9230	63.31	4.9	58.41
Đông Malaysia	9240	63.37	4.9	58.47
Đông Malaysia	9250	63.43	4.9	58.53
Đông Malaysia	9260	63.49	4.9	58.59
Đông Malaysia	9270	63.55	4.9	58.65
Đông Malaysia	9280	63.61	4.9	58.71
Đông Malaysia	9290	63.67	4.9	58.77
Đông Malaysia	9300	63.73	4.9	58.83
Đông Malaysia	9310	63.79	4.9	58.89
Đông Malaysia	9320	63.85	4.9	58.95
Đông Malaysia	9330	63.91	4.9	59.01
Đông Malaysia	9340	63.97	4.9	59.07
Đông Malaysia	9350	64.03	4.9	59.13
Đông Malaysia	9360	64.09	4.9	59.19
Đông Malaysia	9370	64.15	4.9	59.25
Đông Malaysia	9380	64.21	4.9	59.31
Đông Malaysia	9390	64.27	4.9	59.37
Đông Malaysia	9400	64.33	4.9	59.43
Đông Malaysia	9410	64.39	4.9	59.49
Đông Malaysia	9420	64.45	4.9	59.55
Đông Malaysia	9430	64.51	4.9	59.61
Đông Malaysia	9440	64.57	4.9	59.67
Đông Malaysia	9450	64.63	4.9	59.73
Đông Malaysia	9460	64.69	4.9	59.79
Đông Malaysia	9470	64.75	4.9	59.85
Đông Malaysia	9480	64.81	4.9	59.91
Đông Malaysia	9490	64.87	4.9	59.97
Đông Malaysia	9500	64.93	4.9	60.03
Đông Malaysia	9510	64.99	4.9	60.09
Đông Malaysia	9520	65.05	4.9	60.15
Đông Malaysia	9530	65.11	4.9	60.21
Đông Malaysia	9540	65.17	4.9	60.27
Đông Malaysia	9550	65.23	4.9	60.33
Đông Malaysia	9560	65.29	4.9	60.39
Đông Malaysia	9570	65.35	4.9	60.45
Đông Malaysia	9580	65.41	4.9	60.51
Đông Malaysia	9590	65.47	4.9	60.57
Đông Malaysia	9600	65.53	4.9	60.63
Đông Malaysia	9610	65.59	4.9	60.69
Đông Malaysia	9620	65.65	4.9	60.75
Đông Malaysia	9630	65.71	4.9	60.81
Đông Malaysia	9640	65.77	4.9	60.87
Đông Malaysia	9650	65.83	4.9	60.93
Đông Malaysia	9660	65.89	4.9	60.99
Đông Malaysia	9670	65.95	4.9	61.05
Đông Malaysia	9680	66.01	4.9	61.11
Đông Malaysia	9690	66.07	4.9	61.17
Đông Malaysia	9700	66.13	4.9	61.23
Đông Malaysia	9710	66.19	4.9	61.29
Đông Malaysia	9720	66.25	4.9	61.35
Đông Malaysia	9730	66.31	4.9	61.41
Đông Malaysia	9740	66.37	4.9	61.47
Đông Malaysia	9750	66.43	4.9	61.53

Tây Malaysia	9760	66.49	4.9	61.59
Tây Malaysia	9770	66.55	4.9	61.65
Tây Malaysia	9780	66.61	4.9	61.71
Tây Malaysia	9790	66.67	4.9	61.77
Tây Malaysia	9800	66.73	4.9	61.83
Tây Malaysia	9810	66.79	4.9	61.89
Tây Malaysia	9820	66.85	4.9	61.95
Tây Malaysia	9830	66.91	4.9	62.01
Tây Malaysia	9840	66.97	4.9	62.07
Tây Malaysia	9850	67.03	4.9	62.13
Tây Malaysia	9860	67.09	4.9	62.19
Tây Malaysia	9870	67.15	4.9	62.25
Tây Malaysia	9880	67.21	4.9	62.31
Tây Malaysia	9890	67.27	4.9	62.37
Tây Malaysia	9900	67.33	4.9	62.43
Tây Malaysia	9910	67.39	4.9	62.49
Tây Malaysia	9920	67.45	4.9	62.55
Tây Malaysia	9930	67.51	4.9	62.61
Tây Malaysia	9940	67.57	4.9	62.67
Tây Malaysia	9950	67.63	4.9	62.73
Tây Malaysia	9960	67.69	4.9	62.79
Tây Malaysia	9970	67.75	4.9	62.85
Tây Malaysia	9980	67.81	4.9	62.91
Tây Malaysia	9990	67.87	4.9	62.97
Tây Malaysia	10000	67.93	4.9	63.03

Lưu ý: [Quan trọng] Cân nặng tính phí sẽ được tính dựa trên số nào lớn hơn giữa cân nặng thực tế và cân nặng quy đổi, trong đó cân nặng quy đổi (tính theo kg) được tính theo công thức: Dài (cm) x Rộng (cm) x Cao (cm) / 5.000.

Đông Malaysia	9760	66.49	4.9	61.59
Đông Malaysia	9770	66.55	4.9	61.65
Đông Malaysia	9780	66.61	4.9	61.71
Đông Malaysia	9790	66.67	4.9	61.77
Đông Malaysia	9800	66.73	4.9	61.83
Đông Malaysia	9810	66.79	4.9	61.89
Đông Malaysia	9820	66.85	4.9	61.95
Đông Malaysia	9830	66.91	4.9	62.01
Đông Malaysia	9840	66.97	4.9	62.07
Đông Malaysia	9850	67.03	4.9	62.13
Đông Malaysia	9860	67.09	4.9	62.19
Đông Malaysia	9870	67.15	4.9	62.25
Đông Malaysia	9880	67.21	4.9	62.31
Đông Malaysia	9890	67.27	4.9	62.37
Đông Malaysia	9900	67.33	4.9	62.43
Đông Malaysia	9910	67.39	4.9	62.49
Đông Malaysia	9920	67.45	4.9	62.55
Đông Malaysia	9930	67.51	4.9	62.61
Đông Malaysia	9940	67.57	4.9	62.67
Đông Malaysia	9950	67.63	4.9	62.73
Đông Malaysia	9960	67.69	4.9	62.79
Đông Malaysia	9970	67.75	4.9	62.85
Đông Malaysia	9980	67.81	4.9	62.91
Đông Malaysia	9990	67.87	4.9	62.97
Đông Malaysia	10000	67.93	4.9	63.03

Lưu ý: [Quan trọng] Cân nặng tính phí sẽ được tính dựa trên số nào lớn hơn giữa cân nặng thực tế và cân nặng quy đổi, trong đó cân nặng quy đổi (tính theo kg) được tính theo công thức: Dài (cm) x Rộng (cm) x Cao (cm) / 5.000.